



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN CỦA BỘ NỘI VỤ - CƠ QUAN THƯỜNG TRỰC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 23/2026
Từ 15/6 - 19/6/2026

TIN NỔI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: TẦM NHÌN 100 NĂM TỚI PHẢI TIẾP TỤC THỂ HIỆN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

Chiều ngày 17/6/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam (1930 - 2030), định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tiếp theo (2030 - 2130) và Tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Ban Chỉ đạo) đã chủ trì buổi làm việc với Thường trực Ban Chỉ đạo.



Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm phát biểu tại cuộc làm việc - Ảnh: Báo Nhân Dân

Tại buổi làm việc, các ý kiến phát biểu thể hiện tinh thần trách nhiệm cao đối với nhiệm vụ tổng kết đặc biệt quan trọng của Đảng.

Phát biểu kết luận buổi làm việc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh trong điều kiện thời gian không dài, khối lượng công việc lớn, phạm vi tổng kết rộng, yêu cầu chính trị, lý luận và thực tiễn đều rất cao; bước đầu hình thành được các dự thảo tài liệu, nhất là hoàn thành dự thảo hai đề cương chi tiết là một cố gắng rất đáng ghi nhận. Đây mới là những kết quả bước đầu, nhưng rất quan trọng, là căn cứ để nhìn rõ hơn hướng đi, cách làm, phương pháp tiếp cận và những việc cần tiếp tục triển khai trong thời gian tới.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đề nghị Tổ Biên tập tiếp thu tối đa, đầy đủ, nghiêm túc các ý kiến. Trên cơ sở đó, khẩn trương chỉnh sửa, hoàn thiện tài liệu với tinh thần cầu thị, khoa học, trách nhiệm, không né tránh những vấn đề khó và không bằng lòng với những kết quả bước đầu.

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG
*

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY
*

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ
SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT - HÀ NỘI

ĐIỆN THOẠI
024.62821016

EMAIL
BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm gọi mở phải nắm thật chắc quan điểm chỉ đạo, yêu cầu và phương pháp tổng kết. Tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam là một công việc có ý nghĩa đặc biệt hệ trọng. Tổng kết phải bám chắc sự thật lịch sử, tôn trọng lịch sử, xuất phát từ lịch sử; nhưng không dừng lại ở việc kể lại lịch sử, không phải là liệt kê sự kiện theo lối biên niên sử. Điều quan trọng hơn là từ lịch sử phải đúc kết được những vấn đề, những kết luận và những bài học lớn, những quy luật xuyên suốt. Từ đó làm sáng rõ hơn con đường cách mạng Việt Nam, vai trò lãnh đạo của Đảng, sức mạnh của nhân dân, khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tương lai phát triển của dân tộc.

Tổng kết lần này phải tạo ra được giá trị mới, đóng góp mới, nhận thức mới so với các lần tổng kết trước. Phải trả lời được câu hỏi, sau tổng kết này, sự phát triển về nhận thức lý luận của Đảng ta qua 100 năm sâu sắc hơn ở điểm nào; con đường phát triển của đất nước sáng rõ hơn ở điểm nào; bài học kinh nghiệm nào được khái quát ở tầm cao hơn; vấn đề lý luận nào được bổ sung, phát triển sáng tạo; tầm nhìn và định hướng chiến lược nào cho 100 năm tới được xác lập có căn cứ, có sức thuyết phục.

Làm rõ mối quan hệ giữa tổng kết 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam với tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đây là hai nội dung lớn, có mối quan hệ rất chặt chẽ nhưng không đồng nhất, cũng không thể tách rời; cần xác định rõ phương thức kết hợp hai nội dung này. Không làm rời rạc, song song một cách cơ học; cũng không hòa lẫn làm mờ trọng tâm cốt lõi của từng báo cáo.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước lưu ý tổng kết 40 năm thực hiện Cương lĩnh phải được đặt trong dòng chảy 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; làm rõ những nội dung Cương lĩnh đã được thực tiễn chứng minh là đúng đắn, những nội dung cần tiếp tục bổ sung, phát triển và những vấn đề mới mà lý luận phải đi trước, vượt trước, dẫn đường; góp phần làm sâu sắc hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tổng kết phải nhấn mạnh được những thành tựu vĩ đại qua 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; phải làm rõ giá trị lịch sử, ý nghĩa thời đại, giá trị lý luận và giá trị thực tiễn của những thành tựu đó; làm rõ tầm vóc lịch sử của những thành tựu đã thay đổi vận mệnh dân tộc, thay đổi vị thế đất nước, củng cố niềm tin của nhân dân. Tổng kết phải thẳng thắn nhìn nhận những hạn chế, khuyết điểm, những vấn đề chưa thành công, những bài học, những điểm nghẽn cần tiếp tục tháo gỡ.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đề nghị làm rõ những vấn đề cốt lõi, xuyên suốt trong 100 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Phải trả lời được vì sao Đảng ta có thể lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác, trong những điều kiện hết sức khó khăn, phức tạp; làm nổi bật các bài học kinh nghiệm mang tính quy luật. Các bài học kinh nghiệm phải được chắt lọc, khái quát ở tầm lý luận, tránh những nhận xét chung chung, quen thuộc nhưng chưa đủ sức định hướng.

Đặc biệt coi trọng xác định tầm nhìn và định hướng lãnh đạo phát triển đất nước trong 100 năm tới, phải có cơ sở lý luận, cơ sở thực tiễn, cơ sở khoa học, phương pháp dự báo và tư duy chiến lược dài hạn. Tầm nhìn 100 năm tới phải tiếp tục thể hiện được khát vọng phát triển của

dân tộc Việt Nam. Phải trả lời được những câu hỏi lớn: Việt Nam muốn trở thành một quốc gia phát triển như thế nào trong thế kỷ tới; những nền tảng nào phải giữ vững; những động lực phát triển mới là gì; những đột phá nào phải vạch ra; những nguy cơ nào phải đối mặt; những giá trị nào phải được bảo vệ và phát huy. Tâm nhìn phải có chiều cao của khát vọng, chiều sâu của lý luận, bám sát thực tiễn đất nước và xu thế của thời đại, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện.

Về công tác tổ chức thực hiện, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh các nhóm tổng kết phải triển khai ngay, không chờ đợi nhau, không làm theo kiểu tuần tự, nhóm này xong nhóm kia mới làm. Từng nhóm phải chủ động xây dựng kế hoạch, xác định rõ sản phẩm, rõ thời hạn, rõ người chịu trách nhiệm, rõ cơ chế phối hợp, rõ điểm đến của từng giai đoạn. Các ban, bộ, ngành và các địa phương bám sát đề cương và hướng dẫn tổng kết để thống nhất về cấu trúc nội dung báo cáo, phương pháp đánh giá, hệ thống vấn đề cần tập trung; đồng thời phát huy được đặc thù, sáng tạo, kinh nghiệm phong phú của từng địa phương, từng ngành, từng lĩnh vực.

Đặc biệt coi trọng vấn đề tư liệu, dữ liệu, nhân chứng lịch sử và các nguồn thông tin có giá trị. Tổng kết 100 năm không thể chỉ dựa vào các báo cáo hành chính. Huy động trí tuệ của toàn Đảng, của các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học, chuyên gia, cán bộ thực tiễn, các nhân chứng lịch sử, các đồng chí lão thành cách mạng, các thế hệ lãnh đạo, quản lý qua các thời kỳ. Đây là nguồn tri thức, kinh nghiệm và tư liệu rất quý. Có những vấn đề chỉ được làm sáng tỏ khi kết hợp tư liệu lưu trữ với hồi ức của nhân chứng, với nghiên cứu của nhà khoa học, với kinh nghiệm của cán bộ thực tiễn và với sự phân tích khách quan, đa chiều.

Sử dụng tốt các kho tư liệu, dữ liệu lịch sử, các công trình nghiên cứu đã có, các tài liệu lưu trữ trong nước và quốc tế, các kết quả tổng kết chuyên đề, tổng kết ngành, lĩnh vực, địa phương. Việc này phải được làm nghiêm túc, chặt chẽ, khoa học, vừa bảo đảm yêu cầu bảo mật, vừa đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, tổng kết, làm sáng tỏ những vấn đề lịch sử cần kết luận.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh có những vấn đề lịch sử đã rõ phải khẳng định dứt khoát. Có những vấn đề còn ý kiến khác nhau phải nghiên cứu, phân tích thấu đáo. Những vấn đề cần kết luận phải chuẩn bị căn cứ thật chắc để kết luận. Không né tránh những vấn đề khó; nhưng cũng không nóng vội, giản đơn, chủ quan trong kết luận. Kết luận lịch sử phải có căn cứ, có phương pháp, có trách nhiệm; kết luận để thống nhất nhận thức, củng cố niềm tin, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Nguồn: vietnamplus.vn

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM: CHUYỂN MẠNH TỪ TƯ DUY “QUẢN LÝ GIÁO DỤC” SANG “QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC”

Sáng ngày 15/6/2026, tại Trụ sở Trung ương Đảng, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm làm việc với ngành Giáo dục và Đào tạo về công tác chuẩn bị khai giảng năm học mới 2026-

2027 và kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Sau khi nghe báo cáo và các ý kiến trao đổi tại cuộc làm việc, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm ghi nhận công tác chuẩn bị cho năm học mới được triển khai tích cực, toàn diện. Toàn hệ thống chính trị có chuyển biến tích cực trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW; nhiều điểm nghẽn đang được tập trung giải quyết.

Tuy nhiên, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chỉ rõ những chuyển biến mới chủ yếu thể hiện ở nhận thức và công tác chuẩn bị chính sách. Chuyển biến thực chất trong nhà trường, trong đời sống của giáo viên, trong trải nghiệm học tập của học sinh, sinh viên chưa đồng đều, chưa đủ mạnh so với yêu cầu “đột phá” mà Nghị quyết số 71-NQ/TW đề ra.

Thiếu giáo viên vẫn là điểm nghẽn lớn. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học chưa đáp ứng yêu cầu. Chi phí học tập, dạy thêm, học thêm, thi cử và tuyển sinh vẫn gây áp lực lớn. Giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học chưa tạo đột phá rõ nét. Quản trị giáo dục còn nặng hành chính, chuyển đổi số chưa đồng đều.

Để chuẩn bị năm học mới 2026 - 2027, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu, bảo đảm đủ cơ sở vật chất, đủ trường, đủ lớp, bảo đảm nguyên tắc “Ở đâu có học sinh, ở đó có giáo viên.”

Nghiên cứu cơ chế cho phép thí điểm mô hình quản trị với hệ thống trường công, trường tư trên cùng một địa bàn; tùy điều kiện cụ thể, có thể tổ chức một trường nhiều điểm trường; kiên quyết không để học sinh nào vì hoàn cảnh khó khăn mà không được đến trường; xác định tiêu chuẩn, định mức phòng học phù hợp với điều kiện theo từng vùng miền; tập trung huy động cả hệ thống chính trị hoàn thành đúng tiến độ các trường phổ thông liên cấp nội trú các xã biên giới, bảo đảm đa mục tiêu giáo dục, an sinh xã hội.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm yêu cầu chính quyền các cấp khi lập quy hoạch đô thị và xây dựng các khu dân cư mới phải quy hoạch, xây dựng đồng bộ các trường học, hạ tầng tương thích với quy mô dân số; tập trung chỉ đạo tháo gỡ vướng về quỹ đất, thủ tục đầu tư xây dựng trường học tại địa bàn tăng dân số cơ học, đô thị lớn, khu công nghiệp, vùng khó khăn, biên giới; có cơ chế đặc thù thu hút các chuyên gia giỏi, nhà khoa học đầu ngành tham gia giảng dạy, nghiên cứu; xây dựng cơ chế khuyến khích sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, giáo viên giỏi ở thành phố luân chuyển công tác về các trường nông thôn, vùng khó khăn.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh, tập trung giải quyết tình trạng bạo lực học đường, chú trọng công tác giáo dục đạo đức, lối sống lành mạnh cho học sinh, sinh viên, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của năm học 2026 - 2027; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, kỷ cương, nhân văn; lấy phòng ngừa là chính, lấy giáo dục, cảm hóa, hỗ trợ học sinh, sinh viên là nền tảng, đồng thời xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, kiểm soát chi phí học tập, chấn chỉnh dạy thêm, học thêm và bệnh thành tích.

Chính phủ nhanh chóng ban hành chính sách chuyển đổi công năng các tòa nhà công vụ, trụ sở cơ quan nhà nước dôi dư thành cơ sở giáo dục, cơ sở y tế...; không để các công trình lãng phí hoang hoá xuống cấp trong khi trẻ em thì thiếu nơi vui chơi, học tập; người dân thiếu nơi khám chữa bệnh.

Định hướng phát triển giáo dục và đào tạo trong thời gian tới, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước chỉ rõ đổi mới giáo dục - đào tạo phải đặt trong tổng thể yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, tự chủ, tự cường trong kỷ nguyên mới; chuyển mạnh từ tư duy “quản lý giáo dục” sang “quản trị phát triển giáo dục”, giáo dục phải đi trước một bước trong chuẩn bị nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực có kỹ năng nghề, nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và các ngành chiến lược của đất nước.

Giáo dục - đào tạo phải nắm bắt xu hướng đào tạo những ngành nghề mới sẽ xuất hiện và sẽ biến mất trong tương lai do phát triển của khoa học công nghệ.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần giữ vai trò thống nhất về chuyên môn, tiêu chuẩn, chất lượng, đội ngũ và định hướng phát triển hệ thống; tăng quyền chủ động cho nhà trường, hiệu trưởng và giáo viên, đi đôi với trách nhiệm giải trình. Rà soát các quy định, định mức đã lạc hậu, cắt giảm thủ tục, báo cáo hình thức để giáo viên có thêm thời gian cho chuyên môn và học sinh.

Xây dựng dữ liệu giáo dục thống nhất, cập nhật. Dữ liệu phải giúp nhận diện được sớm tình trạng thiếu giáo viên, thiếu phòng học, trường quá tải, học sinh có nguy cơ bỏ học và những bất hợp lý trong chi phí học tập, sử dụng ngân sách. Chuyển đổi số trong giáo dục phải thực chất, giúp thầy cô dạy tốt hơn, học sinh học tốt hơn, quản lý hiệu quả hơn, đặc biệt chú trọng đến những người yếu thế, khó khăn.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh tạo chuyển biến thực chất trong giáo dục nghề nghiệp và phân luồng; đổi mới giáo dục đại học, xây dựng đại học tinh hoa và trung tâm xuất sắc.

Giáo dục đại học phải đi trước trong đào tạo nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ chiến lược. Tự chủ đại học phải bao gồm tự chủ tài chính, tăng học phí, tự chủ về học thuật, tổ chức, nhân sự, hợp tác và nghiên cứu, đi đôi với trách nhiệm giải trình, kiểm định chất lượng, công khai kết quả, công bằng cơ hội học tập.

Đầu tư có chọn lọc cho một số đại học, viện nghiên cứu, trung tâm xuất sắc, phòng thí nghiệm trọng điểm... trên cơ sở có cạnh tranh về kết quả, hiệu quả. Khuyến khích đặt hàng theo nhiệm vụ quốc gia, sản phẩm đầu ra, hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Đại học phải gắn chặt với doanh nghiệp, viện nghiên cứu và nhu cầu địa phương; cần đầu tư thích đáng cho khoa học cơ bản, khoa học xã hội và nhân văn, để phát triển công nghệ luôn đi cùng phát triển con người, văn hóa, thể chế và giá trị.

Bộ Giáo dục và Đào tạo cần xây dựng bộ chỉ số theo dõi công bằng giáo dục giữa các vùng, nhóm dân cư và nhóm yếu thế. Chính sách phải theo nguyên tắc nơi nào khó hơn được hỗ trợ nhiều hơn, giáo viên nào dạy ở nơi khó khăn hơn được đãi ngộ tốt hơn.

Đôi với vùng dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo, cần ưu tiên mầm non, tiếng Việt trước lớp 1, bán trú, bữa ăn học đường, nhà công vụ giáo viên, đường đến trường an toàn. Ở những nơi này, trường học không chỉ dạy chữ mà còn là thiết chế cộng đồng, góp phần giữ gìn văn hóa, củng cố niềm tin và bảo vệ biên cương Tổ quốc.

Đối với trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt, phải phát triển giáo dục hòa nhập thực chất; cần có giáo viên hỗ trợ, thiết bị trợ giúp, chương trình phù hợp và kết nối y tế-xã hội, không để trẻ em chỉ “có tên trong lớp” nhưng không được học trong điều kiện phù hợp.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước yêu cầu, hoàn thiện cơ chế tài chính giáo dục, đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Tài chính giáo dục phải được coi là đầu tư phát triển. Tăng chi phải đi đôi với phân bổ đúng, công khai, minh bạch và đo được hiệu quả. Nguồn lực cần ưu tiên cho các nhiệm vụ cấp bách như bổ sung giáo viên, trường lớp, mầm non, bán trú, nội trú, hạ tầng số, giáo dục nghề nghiệp, đại học trọng điểm và hỗ trợ người học khó khăn.

Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW phải có kỷ luật, kiểm tra và giám sát liên tục. Bộ Giáo dục - Đào tạo chủ trì xây dựng hệ thống theo dõi thực hiện Nghị quyết bằng các chỉ số cụ thể, công khai, cập nhật định kỳ. Mỗi mục tiêu phải được cụ thể hóa thành nhiệm vụ, nguồn lực, thời hạn, cơ quan chịu trách nhiệm.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước nhấn mạnh Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp thu đầy đủ ý kiến tại cuộc làm việc, hoàn thiện báo cáo, cụ thể hóa ngay thành kế hoạch hành động, báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền, tổ chức triển khai quyết liệt, thực chất, hiệu quả, tạo chuyển biến rõ rệt ngay từ năm học 2026 - 2027.

Nguồn: vnnet.vn

THỦ TƯỚNG LÊ MINH HUNG PHÁT ĐỘNG PHONG TRÀO THI ĐUA QUYẾT TÂM THỰC HIỆN THẮNG LỢI MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG BỀN VỮNG “2 CON SỐ”

Sáng ngày 13/6/2026, tại Thành phố Hồ Chí Minh, đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương đã phát động Phong trào thi đua “Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030”.

Tại sự kiện, Thủ tướng Lê Minh Hưng và các đại biểu đã thực hiện nghi thức phát động phong trào thi đua “Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững 2 con số giai đoạn 2026 - 2030”.

Phát biểu phát động phong trào thi đua, Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng nêu rõ, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng đã mở ra Kỷ nguyên phát triển mới của đất nước với mục tiêu phấn đấu đến năm 2030, đất nước ta trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao. Để hiện thực hóa khát vọng đó đòi hỏi tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên.

Trong bối cảnh có nhiều thời cơ, thuận lợi nhưng khó khăn, thách thức lớn hơn, nặng nề hơn, để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ tăng trưởng 2 con số, chúng ta không thể đi theo lối mòn cũ, tư duy cũ, cách làm cũ, mà phải có “Tầm nhìn chiến lược - Tư duy đột phá - Hành động quyết liệt - Tăng trưởng bền vững - Nhân dân hạnh phúc”. Đó cũng chính là khẩu hiệu, là tinh thần và mục tiêu để Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương quyết định phát động phong trào thi đua “Quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu tăng trưởng bền vững “2 con số” giai đoạn 2026 - 2030”.

Để ngọn lửa thi đua trở thành sức mạnh hành động lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội, Thủ tướng Chính phủ kêu gọi các cấp, các ngành, địa phương, người dân và cộng đồng doanh nghiệp tiếp tục phát huy cao độ truyền thống yêu nước, tinh thần thi đua ái quốc và sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, chung sức, đồng lòng hưởng ứng mạnh mẽ phong trào và thi đua trên những khía cạnh sau:

Thứ nhất, thi đua đổi mới mạnh mẽ tư duy xây dựng và hoàn thiện thể chế phát triển. Tập trung tháo gỡ những “điểm nghẽn”, “nút thắt” về thể chế, cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, “khơi thông” những nguồn lực phát triển, để thể chế thực sự trở thành nguồn lực, là đột phá chiến lược, là lợi thế cạnh tranh quốc gia. Lấy hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp và chỉ số phát triển đất nước nói chung và từng cơ quan, đơn vị, địa phương làm thước đo đánh giá chất lượng công vụ. Kiên quyết xóa bỏ tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm, sợ sai, sợ trách nhiệm.

Thứ hai, thi đua đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh... Phải xem đây là động lực chính, là trụ cột quan trọng nhất, là nền tảng chiến lược để nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh quốc gia. Mỗi bộ, ngành, địa phương cần hình thành các mô hình mới, trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, chính quyền số, xã hội số, công dân số; tạo môi trường thuận lợi cho cộng đồng doanh nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp phát triển.

Thứ ba, thi đua phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; đẩy nhanh tiến độ các công trình trọng điểm quốc gia; hạ tầng giao thông chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng năng lượng, hạ tầng logistics... Mỗi bộ, ngành, địa phương cần tổ chức các chiến dịch thi đua cao điểm để giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng kéo dài, để khơi thông nguồn lực cho phát triển.

Thứ tư, thi đua xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp, liêm chính, hướng về cơ sở, phục vụ nhân dân tốt hơn, hiệu quả hơn. Trong đó, phải đặc biệt tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền địa phương 2 cấp, theo hướng “Gần dân hơn - Nghe dân nói - Nói dân hiểu và Làm dân tin”. Mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải thực sự đổi mới tư duy, nâng cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo trong thực thi công vụ; dám đổi mới, dám đột phá vì lợi ích chung, vì cộng đồng doanh nghiệp, vì người dân phục vụ.

Thứ năm, thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý chặt chẽ ngân sách, nguồn lực quốc gia...; để mỗi đồng vốn ngân sách phải được sử dụng hiệu quả, công khai, minh bạch, gắn với hạch toán kinh tế-xã hội; bảo đảm chống thất thoát, lãng phí, đầu tư dàn trải, kém hiệu quả.

Thứ sáu, thi đua củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, đối ngoại; phát triển hệ giá trị văn hóa, nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, y tế, bảo đảm môi trường sinh thái và an sinh xã hội; để tăng trưởng kinh tế luôn phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, không để ai bị bỏ lại phía sau; để thành quả của tăng trưởng chính là sự thụ hưởng thực chất và đời sống không ngừng được nâng cao của người dân.

Nguồn: baochinhpvu.vn

PHÓ THỦ TƯỚNG THƯỜNG TRỰC PHẠM GIA TÚC: NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW PHẢI ĐƯỢC ĐƯA VÀO TỪNG LĨNH VỰC, DỰ ÁN CỦA NGÀNH XÂY DỰNG

Chiều ngày 17/6/2026, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc làm việc với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành liên quan về tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW).

Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc nhấn mạnh vai trò rất quan trọng của Nghị quyết số 57-NQ/TW trong đổi mới mô hình tăng trưởng, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực cho tăng trưởng.

Sau khi được giao làm cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Bộ Công an đã rất chủ động, tích cực đôn đốc, hỗ trợ, hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra trong Nghị quyết, cũng như yêu cầu của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương.

Là Bộ quản lý những lĩnh vực có tác động trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế, đầu tư công, phát triển hạ tầng chiến lược, đô thị hóa, thị trường bất động sản, giao thông, nhà ở, Phó Thủ tướng Thường trực đề nghị Bộ Xây dựng tập trung báo cáo về kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW bao gồm: Những nhiệm vụ, sản phẩm cụ thể đã hoàn thành, những nền tảng đã vận hành, những kết quả phục vụ người dân, doanh nghiệp ở địa phương.

Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ mà Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ giao cho Bộ: Nhiệm vụ nào hoàn thành thực chất, có sản phẩm và kết quả cụ thể; nhiệm vụ nào mới hoàn thành về mặt thủ tục; nhiệm vụ nào còn chậm, có nguy cơ chậm, nguyên nhân và trách nhiệm thuộc đơn vị nào.

Làm rõ tình hình xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch, kết nối và chia sẻ các cơ sở dữ liệu về hoạt động xây dựng, nhà ở, thị trường bất động sản, phát triển đô thị, cấp thoát nước, hạ tầng giao thông, mức độ kết nối với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, khả năng khai thác dữ liệu đáp ứng yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống” và thống nhất dùng chung.

Trong cải cách thủ tục hành chính, Bộ Xây dựng cần báo cáo rõ các chỉ số cụ thể về thời gian xử lý, chi phí tuân thủ, mức độ tái sử dụng dữ liệu và mức độ thuận lợi hơn cho người dân, doanh nghiệp, “đã cắt giảm được bao nhiêu thời gian, bao nhiêu chi phí, bao nhiêu hồ sơ không còn yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp lại giấy tờ”.

Về nhóm nhiệm vụ đổi mới sáng tạo và công nghệ chiến lược, Bộ Xây dựng cần làm rõ kết quả triển khai BIM, bản sao số công trình, AI chuyên ngành xây dựng, đô thị thông minh, giao thông thông minh, các mô hình đã vận hành và hiệu quả thực tế đạt được.

Phó Thủ tướng Thường trực yêu cầu Bộ Xây dựng xác định rõ trách nhiệm của từng đơn vị, từng lĩnh vực, trách nhiệm của người đứng đầu trong thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Trên cơ sở đó, các đại biểu tập trung đánh giá thực chất việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Xây dựng bao gồm kết quả đạt được, những điểm nghẽn còn tồn tại, nguyên nhân, giải pháp và trách nhiệm, cũng như các nhiệm vụ cần triển khai trong thời gian tới của Bộ Xây dựng. Mục tiêu cuối cùng là phục vụ người dân và doanh nghiệp tốt hơn, nâng cao chất lượng quản lý nhà nước, giảm chi phí xã hội, nâng cao năng suất lao động và đóng góp hiệu quả hơn cho tăng trưởng của đất nước.

Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện

Báo cáo tại cuộc họp, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Minh Hà cho biết theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, Bộ Xây dựng được giao 287 nhiệm vụ, đã hoàn thành 171 nhiệm vụ (khoảng 60%), đang thực hiện thường xuyên 102 nhiệm vụ và đúng kế hoạch 14 nhiệm vụ; không có nhiệm vụ chậm, muộn. Trong đó, về hoàn thiện thể chế, Bộ hoàn thành 14/34 nhiệm vụ; về chuyển đổi số, hoàn thành 138/213 nhiệm vụ; về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hoàn thành 14/25 nhiệm vụ; về đô thị thông minh, hoàn thành 8/14 nhiệm vụ.

Bộ Xây dựng đang cung cấp trực tuyến 246/251 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, đạt khoảng 98,9%; hoàn thành kết nối 5/5 cơ sở dữ liệu của 3 bộ (trong đó có Bộ Công an) để cắt giảm thành phần hồ sơ đối với 58/58 thủ tục; hoàn thành 10/10 bộ cơ sở dữ liệu được giao; thành lập các đoàn công tác liên ngành làm việc với 7/7 thành phố trực thuộc Trung ương để hướng dẫn, giải quyết vướng mắc.

Bộ Xây dựng đã rà soát 454 thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý, đề xuất cắt giảm 56 thủ tục, đơn giản hóa 91 thủ tục và phân cấp 10 thủ tục, giúp giảm chi phí tuân thủ khoảng 2.900 tỷ đồng (khoảng 23%) và giảm 858/4.750 ngày giải quyết (khoảng 18,1%). Số thủ tục còn thực hiện ở cấp Bộ là 145/493 (29,5%).

Về tồn tại, hạn chế, Thứ trưởng Phạm Minh Hà cho biết nhiều nhiệm vụ có tiến độ gấp, nhiều nhiệm vụ khó, có lúc nguồn lực chưa kịp thời nên Bộ phải chủ động triển khai trước khi có kinh phí. Việc triển khai nền tảng số từ Trung ương đến địa phương vẫn còn một số địa phương kết quả hạn chế: Có 10/34 địa phương (gần 30%) có số hồ sơ giải quyết qua hệ thống dưới 5.000; có 13/34 tỉnh, thành phố (trên 30%) chưa rà soát đồng bộ dữ liệu dù đã được đôn đốc nhiều lần. Chất lượng đề án đô thị thông minh cũng cần tiếp tục được kiểm chứng, điều chỉnh.

Trong 6 tháng cuối năm 2026, Bộ Xây dựng xác định: Đẩy mạnh tạo lập, cập nhật dữ liệu dùng chung; mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình; duy trì vận hành các hệ thống đã kết nối; chia sẻ dữ liệu ngành với các bộ, ngành, địa phương.

Tại cuộc làm việc, lãnh đạo các bộ, ngành đã có nhiều ý kiến đóng góp vào báo cáo của Bộ Xây dựng về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Bên cạnh đó, đại diện Bộ Công an cho rằng Bộ Xây dựng cần khắc phục tình trạng dữ liệu phân tán, thiếu khung kiến trúc dữ liệu thống nhất, chưa có đầu mối chỉ đạo xuyên suốt từ Bộ xuống các sở, ngành, địa phương, dẫn đến một số cơ sở dữ liệu chưa đảm bảo giá trị pháp lý. Nhiều cơ sở dữ liệu chưa đạt yêu cầu về an toàn thông tin. Bộ Xây dựng khẩn trương hoàn thiện khung kiến trúc, quản trị dữ liệu và đi vào thực thi để tạo ra sản phẩm công nghệ cụ thể; bổ sung một nền tảng số dùng chung quốc gia về quản lý giao thông thông minh đường bộ.

Bộ Xây dựng cũng cần đẩy nhanh tỉ lệ thanh toán trực tuyến, hoàn thiện các thủ tục hành chính còn lại và tích hợp giấy tờ lên hệ thống định danh điện tử; rà soát nguyên nhân vì sao vẫn còn một lượng lớn hồ sơ được tiếp nhận trực tiếp thay vì trực tuyến dù hệ thống đã vận hành.

Lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm có khả năng tạo chuyển biến

Kết luận cuộc họp, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc ghi nhận, đánh giá cao sự chủ động, quyết tâm của Bộ Xây dựng trong triển khai Nghị quyết 57 cùng các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo của Chính phủ giao về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

Bộ đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, tổ chức triển khai khối lượng lớn nhiệm vụ trên hầu hết các lĩnh vực quản lý; từng bước hoàn thiện thể chế, phát triển dữ liệu, đưa hoạt động quản lý, giải quyết thủ tục hành chính lên môi trường số và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng. Bộ Xây dựng là một trong những bộ đi đầu về cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện kinh doanh, chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm trong lĩnh vực xây dựng, giao thông vận tải.

Bộ Xây dựng cũng đã định hướng một số nhiệm vụ công nghệ chiến lược trong lĩnh vực đường sắt tốc độ cao, đô thị thông minh, giao thông thông minh, mô hình thông tin công trình (BIM), bản sao số công trình, AI chuyên ngành; tham mưu ban hành nhiều văn bản quan trọng, bước đầu hình thành nền tảng phục vụ quản lý ngành trên cơ sở dữ liệu và công nghệ số.

Tuy nhiên, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc cho rằng kết quả thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW của Bộ Xây dựng vẫn chưa tương xứng với phạm vi quản lý, nguồn lực và nhiệm vụ đặt ra. Các cơ sở dữ liệu đã hình thành nhưng mức độ đồng bộ, chia sẻ, khai thác còn hạn chế. Hoạt động đổi mới sáng tạo, cơ chế thử nghiệm phát triển công nghệ chiến lược chưa tạo ra nhiều sản phẩm, mô hình có thể kiểm chứng, chưa gắn chặt với doanh nghiệp và các dự án hạ tầng lớn.

Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc nhấn mạnh và đề nghị Bộ Xây dựng thực hiện tốt 5 nhóm công việc.

Thứ nhất, Bộ Xây dựng cần tăng cường chỉ đạo, điều phối, liên thông trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Nghị quyết 57-NQ/TW vốn liên quan đến nhiều lĩnh vực,

nhieu cơ quan, đơn vị; thúc đẩy sự liên kết giữa các cục chuyên ngành, đơn vị nghiên cứu và doanh nghiệp. Trực tiếp chỉ đạo lựa chọn một số nhiệm vụ trọng tâm có khả năng tạo chuyển biến trong năm 2026, giao rõ lãnh đạo phụ trách, cơ quan chủ trì, đơn vị phối hợp, sản phẩm và thời hạn hoàn thành. Các nhiệm vụ liên quan đến nhiều lĩnh vực, cơ quan, đơn vị phải được tổ chức theo chuỗi, đảm bảo kết quả từng đơn vị hướng tới một sản phẩm cuối cùng, cá thể hóa việc giao nhiệm vụ cho từng đơn vị.

Đối với nghiên cứu phát triển công nghệ, doanh nghiệp phải tham gia ngay từ khâu xác định nhu cầu, xây dựng đầu bài đến thử nghiệm và tiếp nhận kết quả; viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo, doanh nghiệp phải được gắn kết bằng nhiệm vụ, trách nhiệm cụ thể; kết quả được đánh giá bằng sản phẩm đưa vào sử dụng và tác động thực tế, theo mô hình liên kết "ba nhà" giữa doanh nghiệp, viện nghiên cứu và cơ quan quản lý nhà nước.

Thứ hai, về hoàn thiện dữ liệu, nâng cao chất lượng dịch vụ công và đo lường hiệu quả chuyển đổi số, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc yêu cầu Bộ làm rõ từng trạng thái dữ liệu (kết nối kỹ thuật, đồng bộ dữ liệu, khai thác chính thức), xác định rõ dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, trách nhiệm cập nhật của từng đơn vị. Khẩn trương chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, kết nối, đồng bộ dữ liệu về Trung tâm Dữ liệu quốc gia, ưu tiên dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, chỉ đạo điều hành. Xây dựng lộ trình số hóa, cập nhật dữ liệu quá khứ, đặc biệt là dữ liệu quy hoạch đô thị, nông thôn, dự án, công trình xây dựng, định mức, giá xây dựng, nhà ở và thị trường bất động sản, đảm bảo khả thi, có ưu tiên, không dàn trải. Ban hành danh mục dữ liệu gốc, dữ liệu chủ, dữ liệu mở thuộc phạm vi quản lý, từ điển dữ liệu, khung quản trị dữ liệu.

Đối với dịch vụ công, Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc yêu cầu Bộ Xây dựng nâng tỉ lệ thực hiện và chất lượng giải quyết trực tuyến toàn trình đạt mục tiêu tối thiểu 80%. Bộ cần rà soát từng nhóm thủ tục, xác định rõ vướng mắc từ quy trình, dữ liệu, pháp lý hay hạ tầng kỹ thuật để xử lý dứt điểm; hiệu quả chuyển đổi số phải được đánh giá bằng thời gian, giấy tờ, chi phí được cắt giảm, mức độ tái sử dụng dữ liệu, chất lượng phục vụ và hiệu quả quản lý được nâng lên, có thể đo đếm, lượng hóa được.

Bộ Xây dựng cũng cần hoàn thiện hồ sơ cấp độ an toàn thông tin đối với các hệ thống còn lại; bổ sung đăng ký số, chứng thư số công vụ trong quá trình tạo lập, cập nhật, phê duyệt, khai thác, chia sẻ dữ liệu; phân quyền khai thác đúng quy định, đảm bảo an toàn, bảo mật đối với các hệ thống trọng yếu.

Phó Thủ tướng Thường trực Phạm Gia Túc giao Bộ Công an phối hợp với Bộ Xây dựng đối soát trạng thái kết nối, tháo gỡ vướng mắc trong chia sẻ, tái sử dụng dữ liệu phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo người dân, doanh nghiệp không phải cung cấp lại thông tin đã có.

Hoàn thiện thể chế, đưa cơ chế thử nghiệm vào thực tế

Thứ ba, Bộ Xây dựng cũng cần hoàn thiện thể chế, đưa cơ chế thử nghiệm vào thực tế; khẩn trương hoàn thiện, ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật, nhất là Nghị định về điều

kiện năng lực hoạt động xây dựng và hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Đối với đô thị thông minh, Bộ Xây dựng tiêu chí, chỉ số đánh giá cụ thể để triển khai đô thị thông minh, giao thông thông minh, cảng biển thông minh, có cơ chế thử nghiệm để kiểm soát. Bộ Xây dựng cũng cần đề xuất các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực quản lý, nhất là đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, đô thị thông minh, giao thông thông minh, BIM, bản sao số công trình, dữ liệu xây dựng, dữ liệu nhà ở và thị trường bất động sản.

Thứ tư, về tập trung phát triển sản xuất công nghệ chiến lược gắn với các dự án hạ tầng lớn, Phó Thủ tướng Thường trực yêu cầu Bộ Xây dựng làm rõ các nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo đã hoàn thành tạo ra sản phẩm cụ thể gì, tránh tình trạng hoàn thành nhưng không có sản phẩm sử dụng được, gây lãng phí; lựa chọn từ 3-5 nhiệm vụ quy mô lớn, có sản phẩm, có chỉ tiêu đo lường, đơn vị tiếp nhận và tiến độ cụ thể. Các công trình hạ tầng lớn, đặc biệt đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, phải trở thành thị trường đặt hàng và môi trường thử nghiệm cho doanh nghiệp trong nước.

Bộ Xây dựng tiếp tục nghiên cứu tiêu chuẩn, quy chuẩn đường sắt tốc độ cao của nước ngoài để áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế Việt Nam; lựa chọn phát triển công nghệ chiến lược về xây dựng đường sắt tốc độ cao là hướng ưu tiên, hoàn thành trong năm 2026.

Thứ năm, Bộ Xây dựng phải rà soát từng nhiệm vụ, dự án về đổi mới sáng tạo để hoàn tất thủ tục đầu tư, xác định rõ tiến độ, mốc nghiệm thu và kế hoạch giải ngân.

Sau cuộc họp, Phó Thủ tướng Thường trực đề nghị Bộ xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, xác định rõ nhiệm vụ ưu tiên, kết quả thực chất có thể kiểm chứng, đầu mối chịu trách nhiệm và thời hạn hoàn thành, trong đó lưu ý các nhiệm vụ liên quan vận hành chính quyền địa phương 2 cấp và xây dựng, cập nhật dữ liệu, thủ tục hành chính.

Nguồn: baohinhphu.vn

KHÔNG LÙI MỤC TIÊU HOÀN THÀNH CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI, ĐƯA VÀO KHAI THÁC NGAY KHI HOÀN THIỆN

Chiều ngày 16/6/2026, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng dự Hội nghị sơ kết Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 13/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 2959/KH-BNNMT-BCA của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Bộ Công an về công tác đo đạc lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, sau hơn 4 tháng triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg, hầu hết các nhiệm vụ được giao đã được các bộ, ngành và địa phương tích cực thực hiện. Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoàn thành 5/9 nhiệm vụ, 4 nhiệm vụ còn lại được triển khai thường xuyên; Bộ Công an hoàn thành 3/5 nhiệm vụ, 2 nhiệm vụ được thực hiện

thường xuyên; Bộ Tài chính hoàn thành 1/2 nhiệm vụ; Bộ Khoa học và Công nghệ hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được giao.

Đối với các địa phương, có 4/8 nhiệm vụ đã hoàn thành, 4 nhiệm vụ còn lại đang được thực hiện với mức độ khác nhau; đồng thời có 7 nhiệm vụ thường xuyên hoặc phải hoàn thành trước tháng 10/2026 đang được khẩn trương triển khai.

Kết quả bước đầu cho thấy việc hoàn thiện và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai đang tạo ra bước chuyển mạnh mẽ trong công tác quản lý nhà nước về đất đai, góp phần thay đổi phương thức quản trị theo hướng hiện đại, minh bạch và hiệu quả hơn. Đây cũng là nền tảng quan trọng để kết nối, chia sẻ dữ liệu với các ngành, lĩnh vực liên quan, phục vụ cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy xây dựng Chính phủ số.

Đã xây dựng dữ liệu cho hơn 64,42 triệu thửa đất, đạt khoảng 63%

Theo Bộ Nông nghiệp và Môi trường, một trong những kết quả nổi bật là nhận thức và quyết tâm chính trị của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã có sự thay đổi rõ nét.

Nhiều địa phương đã thành lập Ban Chỉ đạo triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trực tiếp làm Trưởng ban, thường xuyên kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện. Bên cạnh đó, nhiều cách làm sáng tạo, phù hợp thực tiễn địa phương đã được áp dụng, góp phần nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các đơn vị, tránh chồng chéo nhiệm vụ và rút ngắn thời gian triển khai.

Nhiệm vụ then chốt là xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đã đạt những kết quả quan trọng, đến nay, cả nước đã xây dựng dữ liệu cho hơn 64,42 triệu thửa đất trên tổng số hơn 102,46 triệu thửa đất cần thực hiện, đạt khoảng 63%.

Trong số này, khoảng 28,77 triệu thửa đất đã được làm sạch theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, chiếm 45% số dữ liệu đã xây dựng, đủ điều kiện đưa vào vận hành theo thời gian thực phục vụ công tác quản lý đất đai và phát triển kinh tế - xã hội.

Các cơ quan chức năng đã tổ chức đối khớp, xác thực khoảng 87,39 triệu lượt dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trong đó, hơn 38,24 triệu thửa đất đã được xác thực thành công thông tin người sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Toàn bộ hơn 64,42 triệu thửa đất đã được đồng bộ lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai; trong đó có gần 28,8 triệu thửa thuộc nhóm dữ liệu đã bảo đảm chất lượng cao. Đồng thời, hơn 1 triệu dữ liệu thửa đất đã được đồng bộ sang Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Việc xây dựng hệ thống mã định danh duy nhất cho thửa đất đã tạo lập được gần 69,73 triệu mã, góp phần khắc phục tình trạng trùng lặp thông tin, đồng thời tạo cơ sở tích hợp với nền tảng địa chỉ số quốc gia trong thời gian tới.

Cải cách mạnh thủ tục hành chính, hướng tới vận hành dữ liệu theo thời gian thực

Một trong những lợi ích rõ nét nhất từ việc hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai là thúc đẩy cải cách thủ tục hành chính.

Theo đánh giá của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, dữ liệu đất đai là nền tảng quan trọng để tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính, giảm yêu cầu nộp hồ sơ giấy và tận dụng dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu quốc gia. Nhờ đó, người dân và doanh nghiệp không phải cung cấp lại nhiều loại giấy tờ, thông tin đã được số hóa.

Nhiều thủ tục về đất đai hiện đã được thực hiện trực tuyến toàn trình. Một số địa phương đã mạnh dạn rà soát, cắt giảm các khâu trung gian, qua đó rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ.

Đến nay, 28/34 tỉnh, thành phố đã hoàn thành tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. Tỷ lệ thủ tục được tái cấu trúc đạt hơn 41% tổng số thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai. Tổng số hồ sơ được tiếp nhận trên môi trường điện tử đạt hơn 2,84 triệu hồ sơ; trong đó tỷ lệ hồ sơ được giải quyết hoàn toàn trên môi trường điện tử đạt tới 94,6%.

Việc ứng dụng công nghệ số cũng đang được đẩy mạnh. Thông qua ứng dụng VNeID, người sử dụng đất có thể chủ động cung cấp thông tin về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không bị giới hạn bởi yếu tố địa lý, đồng thời không phải nộp bản sao giấy chứng nhận như trước đây. Giải pháp này góp phần tiết kiệm đáng kể thời gian, chi phí và nguồn nhân lực cho cả cơ quan quản lý và người dân.

Cả nước còn hơn 38 triệu thửa đất chưa có bản đồ địa chính

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg vẫn còn nhiều khó khăn, thách thức. So với yêu cầu về tiến độ và khối lượng công việc cần hoàn thành, một số nhiệm vụ trọng tâm còn chậm, đòi hỏi phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và giải pháp thực hiện.

Đối với nhiệm vụ làm sạch cơ sở dữ liệu đất đai, hiện vẫn còn khoảng 35,65 triệu thửa đất chưa bảo đảm tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”.

Nguyên nhân chủ yếu là dữ liệu được xây dựng từ nhiều năm trước, chưa cập nhật theo tiêu chuẩn kỹ thuật mới; thông tin người sử dụng đất và các biến động về quyền sử dụng đất chưa được chỉnh lý đầy đủ; một số trường hợp phát sinh trùng lặp hoặc sai lệch dữ liệu sau quá trình sắp xếp đơn vị hành chính.

Một khó khăn lớn khác là cả nước vẫn còn hơn 38 triệu thửa đất chưa có bản đồ địa chính. Nhiều khu vực chưa được đầu tư đo đạc hoặc bản đồ đã lạc hậu do dồn điền đổi thửa, thu hồi đất và triển khai các dự án phát triển nhưng chưa được cập nhật kịp thời. Bên cạnh đó, quy trình lập, thẩm định dự toán và đấu thầu còn kéo dài.

Việc đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai sang Trung tâm dữ liệu quốc gia còn thấp, đến nay mới đồng bộ được hơn 1 triệu thửa trong tổng số trên 28 triệu thửa đất đã có dữ liệu “đúng - đủ - sạch - sống” sang Trung tâm dữ liệu quốc gia.

Tại hội nghị, đại diện nhiều địa phương đã chia sẻ những kết quả bước đầu, kinh nghiệm triển khai cũng như những khó khăn, vướng mắc trong quá trình đo đạc, lập bản đồ địa chính, xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai.

Các địa phương cho biết sẽ tiếp tục huy động tối đa nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các nhiệm vụ còn lại, đồng thời tăng cường phối hợp với các bộ, ngành để tháo gỡ những tồn

tại phát sinh trong quá trình triển khai. Đại diện các địa phương cũng cam kết hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao theo đúng yêu cầu và mốc thời gian quy định.

Không lùi mục tiêu đặt ra là hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trong năm 2026

Phát biểu kết luận hội nghị, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng nhấn mạnh, xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc thay đổi tư duy quản lý theo hướng kiến tạo phát triển. Đây là nền tảng để đổi mới phương thức quản trị quốc gia, thúc đẩy phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, cải cách thủ tục hành chính và khơi thông nguồn lực đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Theo Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng, nếu cơ sở dữ liệu đất đai được xây dựng bảo đảm tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống", thống nhất và dùng chung trên phạm vi cả nước sẽ tạo điều kiện rất lớn để khai thác hiệu quả nguồn lực đất đai, phục vụ phát triển đất nước. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm đã được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo quyết liệt trong thời gian qua.

Đánh giá kết quả thực hiện, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng cho biết việc Bộ Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Bộ Công an tổ chức hội nghị sơ kết là rất kịp thời, giúp đánh giá khách quan những kết quả đạt được, nhận diện những khó khăn, vướng mắc, làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị để thống nhất nhận thức và hành động trong thời gian tới.

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng ghi nhận những chuyên biến tích cực trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, dù đây là nhiệm vụ rất khó khăn, phức tạp nhưng với sự nỗ lực của các bộ, ngành và địa phương, nhiều kết quả quan trọng đã được ghi nhận. Hiện cả nước đã có khoảng 28 triệu thửa đất hoàn thành tiêu chí "đúng, đủ, sạch, sống" và có thể đưa vào khai thác. Bên cạnh đó, hơn 35 triệu thửa đất đã hoàn thành đo đạc, lập hồ sơ nhưng chưa hoàn thành việc làm sạch dữ liệu; hơn 38 triệu thửa đất còn lại chưa được đo đạc, lập hồ sơ địa chính.

Theo Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng, khối lượng công việc còn lại là rất lớn. Nếu không tiếp tục quyết liệt triển khai trong thời gian tới thì mục tiêu hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai vào năm 2026 sẽ rất khó đạt được. Vì vậy, các bộ, ngành và địa phương cần tiếp tục quán triệt đầy đủ quan điểm, nhiệm vụ về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai với tinh thần quyết tâm cao nhất.

Không hạ chuẩn chất lượng, dữ liệu tạo lập phải được khai thác hiệu quả

Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng yêu cầu toàn hệ thống phải kiên định ba nguyên tắc xuyên suốt trong quá trình triển khai: Thứ nhất, không lùi mục tiêu, dứt khoát hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai trong năm 2026. Thứ hai, không hạ chuẩn chất lượng dữ liệu.

Thứ ba, không để dữ liệu được tạo lập nhưng không khai thác được; dữ liệu hoàn thành đến đâu phải được đưa vào khai thác, sử dụng đến đó để phục vụ người dân, doanh nghiệp và công tác quản lý nhà nước.

Về sản phẩm cuối cùng, Phó Thủ tướng nhấn mạnh mỗi thửa đất phải có dữ liệu đầy đủ, kịp thời, được chuẩn hóa, xác thực, đồng bộ, cập nhật và kết nối để sử dụng trên thực tế. Đây là yêu cầu cốt lõi nhằm bảo đảm cơ sở dữ liệu đất đai thực sự phát huy hiệu quả trong quản lý và phát triển.

Đối với nhóm hơn 28 triệu thửa đất đã cơ bản hoàn thành, Phó Thủ tướng Hồ Quốc Dũng đề nghị tiếp tục chuẩn hóa, cập nhật và đưa vào khai thác ngay. Đối với nhóm hơn 35 triệu thửa đất đã có hồ sơ nhưng chưa được làm sạch dữ liệu, các địa phương cần tập trung tối đa nguồn lực để hoàn thành việc rà soát, chuẩn hóa và đưa vào sử dụng trong thời gian sớm nhất. Với nhóm hơn 38 triệu thửa đất chưa được đo đạc, lập hồ sơ địa chính, các đơn vị phải triển khai đồng thời các nhiệm vụ đo đạc, lập hồ sơ và số hóa dữ liệu, phân đấu cơ bản hoàn thành trước tháng 10/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

TỪ QUÝ III/2026, CHÍNH PHỦ TRIỂN KHAI THÍ ĐIỂM KPI TRONG CÔNG TÁC XÂY DỰNG PHÁP LUẬT

Sáng 16/6/2026, phát biểu tại Hội nghị triển khai thực hiện Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu cho biết Chính phủ sẽ triển khai thí điểm KPI trong công tác xây dựng pháp luật để đo lường tiến độ, chất lượng, trách nhiệm của từng bộ, ngành; coi đây là căn cứ quan trọng để kiểm điểm, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu

Theo Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu, hội nghị có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, là dịp để các cơ quan trong hệ thống chính trị quán triệt, thống nhất nhận thức, trách nhiệm, phương thức tổ chức thực hiện các nhiệm vụ lập pháp trong cả nhiệm kỳ.

Qua đó, cụ thể hóa chủ trương, định hướng của Đảng về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới của đất nước và yêu cầu “Đổi mới tư duy, hoàn thiện phương thức và quy trình xây dựng pháp luật bảo đảm tính chuyên nghiệp, khoa học, kịp thời, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước trong kỷ nguyên mới”.

Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã xác định rõ phương hướng hoàn thiện thể chế, pháp luật trong 5 năm tới.

Nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI có khối lượng lập pháp rất lớn, yêu cầu rất cao, thời gian rất gấp. Trong tổng số 192 nhiệm vụ lập pháp, Chính phủ được giao 171 nhiệm vụ.

“Đây là trách nhiệm nặng nề, đồng thời là cơ hội để đổi mới thực chất công tác xây dựng pháp luật của Chính phủ. Chính phủ xác định xây dựng pháp luật là nhiệm vụ chính trị trọng tâm của từng bộ, ngành; là công cụ để tháo gỡ điểm nghẽn, khơi thông nguồn lực, kiến tạo phát triển và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia”, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu nhấn mạnh.

Với tinh thần đó, Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu cho biết Chính phủ sẽ tập trung chỉ đạo 5 nhiệm vụ trọng tâm.

Thứ nhất, khẩn trương ban hành và thực hiện Kế hoạch của Chính phủ triển khai Định hướng lập pháp nhiệm kỳ Quốc hội khóa XVI, bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ cơ quan chủ trì, rõ tiến độ, rõ sản phẩm, rõ trách nhiệm.

Ngay sau Hội nghị, đề nghị các bộ, cơ quan ngang bộ chủ động chuẩn bị hồ sơ chính sách, dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo Kết luận số 17-KL/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 64/KH-UBTVQH16 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; không chờ Kế hoạch của Chính phủ mới triển khai nhiệm vụ.

Thứ hai, đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo tinh thần Nghị quyết số 66-NQ/TW, gắn với triển khai đồng bộ Kết luận số 09-KL/TW về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật.

Pháp luật phải đi trước mở đường, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo, đầu tư, sản xuất, kinh doanh; dứt khoát khắc phục tư duy “không quản được thì cấm”, không để quy định pháp luật trở thành rào cản phát triển.

Theo Phó Thủ tướng Lê Tiến Châu, mỗi chính sách trình Quốc hội phải trả lời rõ: Tháo gỡ điểm nghẽn nào? Khai thông nguồn lực, giảm chi phí tuân thủ nào? Tạo thuận lợi gì cho người dân và doanh nghiệp? Việc sửa đổi, bổ sung luật phải đặt trong tổng thể hệ thống pháp luật, nhất là kết quả Tổng rà soát hệ thống pháp luật sắp tới; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, minh bạch, dễ tiếp cận, dễ thực hiện.

Luật phải quy định đúng tầm những vấn đề thuộc thẩm quyền Quốc hội; những vấn đề biến động nhanh, mang tính kỹ thuật thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định theo thẩm quyền, đi đôi với kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình.

Thứ ba, Chính phủ sẽ siết chặt kỷ luật nội bộ trong công tác xây dựng pháp luật. Trong đó, kiểm soát chặt chất lượng chính sách ngay từ đầu; tổng kết thực tiễn thực chất, đánh giá tác động đầy đủ, lấy ý kiến đúng đối tượng chịu tác động; không làm hình thức, không né tránh vấn đề khó, không để lợi ích cục bộ, lợi ích nhóm chi phối quá trình xây dựng pháp luật.

Đồng thời, phát huy vai trò của Bộ Tư pháp từ khâu thẩm định đến kiểm soát chặt việc tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm định, khẳng định rõ hồ sơ đủ hay chưa đủ điều kiện trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Thứ tư, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật. Theo đó, tập trung khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nghiên cứu, dự báo, hoạch định chính sách và xây dựng pháp luật.

Thứ năm, nâng cao hiệu quả phối hợp giữa Chính phủ và Quốc hội trong công tác lập pháp. Cụ thể, chủ động phối hợp với các cơ quan của Quốc hội trong xây dựng chương trình lập pháp, chương trình kỳ họp; xử lý sớm những vấn đề chính sách lớn, còn ý kiến khác nhau; cùng xác định thứ tự ưu tiên; cùng kiểm soát chất lượng từ khâu đề xuất chính sách đến tổ chức thi hành.

Nguồn: baochinhpvu.vn

ĐỀ XUẤT MỚI VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC

Bộ Tư pháp đang thẩm định dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng biên chế công chức (dưới đây gọi tắt là dự thảo Nghị định) do Bộ Nội vụ xây dựng.

Theo Bộ Nội vụ, từ cơ sở thực tiễn cho thấy, trong giai đoạn 2022 - 2026, trên cơ sở tổng biên chế công chức được Bộ Chính trị quyết định, để đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, sử dụng biên chế công chức theo tinh thần của Nghị quyết số 04/NQ-CP, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt biên chế công chức của các bộ, ngành giai đoạn 2022-2026 (đến hết năm 2026), đồng thời phân cấp cho bộ, ngành quyết định biên chế công chức hằng năm đối với từng cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trong tổng số biên chế được giao. Ở địa phương vẫn thực hiện giao biên chế hằng năm theo Quyết định của Ban Tổ chức Trung ương.

Tại Quy định số 183-QĐ/TW ngày 2/6/2026 của Bộ Chính trị, đã có quy định việc giao biên chế 5 năm, giai đoạn, hằng năm và thời hạn cụ thể để giao biên chế công chức là trong tháng 10.

Theo đó, cần phải rà soát, hoàn thiện các quy định liên quan đến việc hướng dẫn việc xây dựng, thẩm định, giao biên chế công chức 5 năm, giai đoạn và hằng năm; quy định việc quản lý biên chế công chức hoặc phân cấp quản lý biên chế công chức cho phù hợp với thực tế để vừa bảo đảm phù hợp với quy định, đẩy mạnh phân cấp và tăng tính chủ động, linh hoạt trong việc bố trí người làm việc đáp ứng yêu cầu công việc.

Trong thời gian qua, việc điều chỉnh, điều chuyển biên chế công chức giữa các cơ quan, tổ chức chưa có quy định rõ ràng về quy trình và thành phần hồ sơ dẫn đến lúng túng trong quá trình các bộ, địa phương thực hiện.

Đồng thời, việc giao, điều chỉnh biên chế công chức của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài của bộ chưa được quy định cụ thể. Do đó, đề xuất nghiên cứu để đưa nội dung này vào dự thảo Nghị định để bảo đảm tính thống nhất trong việc thực hiện các quy định về quản lý biên chế công chức.

Việc Chính phủ ban hành Nghị định quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức là cần thiết để thể chế hóa quy định của Đảng về quản lý biên chế; quy định các biện pháp thực hiện chính sách về quản lý biên chế công chức.

Dự thảo Nghị định này sẽ thay thế các nội dung hướng dẫn về biên chế công chức tại Nghị định số 106/2020/NĐ-CP.

Mục đích ban hành dự thảo Nghị định nhằm thể chế hóa chủ trương của Đảng, Quốc hội về quản lý biên chế tại Quy định số 183-QĐ/TW của Bộ Chính trị; thực hiện nhiệm vụ được giao tại các văn bản chỉ đạo của Đảng, của Chính phủ; chỉnh sửa, hoàn thiện các quy định của pháp luật hiện hành về quản lý, sử dụng biên chế công chức, bảo đảm thống nhất với chủ trương của Đảng, Quốc hội; xây dựng công cụ pháp lý để Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về công chức theo thẩm quyền quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Luật

Cán bộ, công chức; hoàn thiện các quy định để phù hợp với thẩm quyền, trách nhiệm của các cơ quan khi triển khai tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp; giải quyết các khó khăn, vướng mắc từ thực tiễn các quy định về quản lý, sử dụng biên chế công chức; bảo đảm tránh khoảng trống pháp luật.

Quy định rõ phân cấp quản lý biên chế công chức

Dự thảo Nghị định gồm 4 chương và 18 điều với một số nội dung cơ bản đáng chú ý sau đây.

Về phạm vi điều chỉnh, dự thảo Nghị định tập trung quy định về nguyên tắc, nội dung quản lý, sử dụng biên chế công chức trong các tổ chức hành chính; thẩm quyền và trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh trong việc quản lý, sử dụng biên chế công chức.

Đối tượng áp dụng của Nghị định gồm các tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của bộ; cơ quan ngang bộ (không bao gồm Bộ Công an, Bộ Quốc phòng); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh); Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu trực thuộc cấp tỉnh (cấp xã); bỏ nhóm đối tượng là cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thành lập mà không phải là đơn vị sự nghiệp công lập do hiện nay không còn loại hình tổ chức, đơn vị này.

Dự thảo Nghị định bổ sung nguyên tắc: Xác định biên chế công chức phù hợp với vị trí việc làm theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan, tổ chức; định mức biên chế công chức theo hướng dẫn của bộ quản lý ngành, lĩnh vực; việc đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền.

Đồng thời, dự thảo bổ sung nội dung quản lý, sử dụng biên chế công chức để làm rõ nội hàm của quản lý biên chế công chức, làm cơ sở xây dựng các nội dung của dự thảo Nghị định.

Văn bản cũng xây dựng quy định về lập kế hoạch, giao biên chế công chức bao gồm:

Căn cứ xác định biên chế công chức; hồ sơ và thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức, trong đó quy định về hồ sơ, thời hạn gửi kế hoạch biên chế công chức 5 năm, hằng năm, làm cơ sở để bộ, địa phương thực hiện.

Thẩm định kế hoạch biên chế công chức; thẩm quyền quyết định giao biên chế công chức: Trong đó quy định về cơ quan có thẩm quyền thẩm định, quyết định giao biên chế công chức của bộ, địa phương; bổ sung quy định giao biên chế công chức của các bộ tại cơ quan đại diện. Theo đó, căn cứ các chủ trương, quy định của Đảng, pháp luật về việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tại dự thảo Nghị định đã quy định nội dung phân cấp quản lý biên chế công chức thuộc thẩm quyền của Chính phủ như sau: Bộ trưởng Nội vụ quyết định giao biên chế công chức 5 năm, hằng năm đối với từng bộ trong tổng biên chế được Bộ Chính trị giao; người đứng đầu bộ quyết định giao biên chế công chức hằng năm đối với từng cơ quan sử dụng biên chế công chức thuộc phạm vi quản lý.

Điều chỉnh biên chế công chức: Quy định về căn cứ, hồ sơ, trình tự, thẩm quyền của các cơ quan trong việc điều chỉnh biên chế công chức; trong đó có việc điều chỉnh biên chế công chức giữa các tổ chức hành chính của bộ, địa phương; giữa các bộ, các địa phương; điều chỉnh biên chế công chức tại các cơ quan đại diện.

Về trách nhiệm quản lý, sử dụng số lượng biên chế công chức gồm 5 điều, trong đó quy định về trách nhiệm của người đứng đầu bộ, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; bổ sung trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã để phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp và phù hợp với quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương; trách nhiệm của Bộ trưởng Nội vụ; trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan sử dụng biên chế công chức.

Nguồn: [nhandan.vn](#)

TINH GỌN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: KHƠI THÔNG NGUỒN LỰC, TẠO ĐỘNG LỰC TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

Với việc chủ động cắt giảm hơn 53% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tiết kiệm khoảng 5.310 tỷ đồng chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang tạo bước đột phá trong cải cách thể chế, phân cấp, phân quyền và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đây được xem là một trong những giải pháp quan trọng nhằm khơi thông nguồn lực xã hội, nâng cao hiệu quả quản trị và góp phần hiện thực hóa mục tiêu tăng trưởng hai con số của đất nước trong thời gian tới.

Cải cách thủ tục hành chính, giảm mạnh chi phí

Phát biểu tại Diễn đàn đối thoại về thủ tục hành chính và điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2026 diễn ra sáng 18/6/2026, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Hoàng Hiệp nhấn mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện đầu tư kinh doanh là yêu cầu quan trọng để khơi thông nguồn lực, giảm chi phí xã hội, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh minh bạch, thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đối với ngành nông nghiệp và môi trường, theo ông Nguyễn Hoàng Hiệp, nhiệm vụ trên càng có ý nghĩa lớn vì phạm vi quản lý rộng, liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, đất đai, môi trường, tài nguyên, thủy sản, lâm nghiệp, chăn nuôi, thú y, trồng trọt, bảo vệ thực vật và nhiều lĩnh vực thiết yếu khác.

Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã tập trung cao độ rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh; đồng thời đẩy mạnh phân quyền, phân cấp cho địa phương; là một trong ba bộ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ biểu dương, ghi nhận đạt và vượt các chỉ tiêu được giao...

Về kết quả cụ thể, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã cắt giảm 8.987 ngày giải quyết thủ tục hành chính, tương ứng giảm 53,39%; tiết kiệm khoảng 5.310 tỷ đồng chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp, tương ứng giảm 54,73%. Bên cạnh đó, số thủ tục hành chính cấp bộ giảm từ 267 xuống còn 148 (chỉ chiếm 26,67% tổng số thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý).

Ngoài ra, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện phân quyền, phân cấp 58 thủ tục hành chính thuộc 9 lĩnh vực; bãi bỏ 108 thủ tục hành chính thuộc 16 lĩnh vực; đơn giản hóa 88 thủ tục hành chính thuộc 10 lĩnh vực.

Đối với điều kiện kinh doanh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đã bãi bỏ 13/40 ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, thu hẹp 03 ngành, nghề; tỷ lệ cắt giảm đạt 36,25%, vượt yêu cầu tối thiểu 30% mà Trung ương yêu cầu.

Lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo cải cách

Theo ông Nguyễn Hoàng Hiệp, những kết quả đạt được kể trên cho thấy hướng đi đúng đắn, thực chất với sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Thường vụ Đảng ủy bộ, Bộ trưởng, các đồng chí thứ trưởng và sự vào cuộc trách nhiệm của các đơn vị thuộc bộ. Tuy vậy, ông Hiệp cũng lưu ý rằng đây không phải điểm dừng mà mới là nền tảng để tiếp tục thúc đẩy đổi mới mạnh mẽ hơn trong thời gian tới.

“Cải cách phải tiếp tục thực hiện, đi vào thực chất; cải cách không chỉ đo bằng số lượng thủ tục được cắt giảm hay số lượng thủ tục được phân quyền, phân cấp mà phải đo bằng sự thuận lợi, hài lòng của người dân, doanh nghiệp, sự chủ động của địa phương và hiệu quả quản lý nhà nước,” ông Nguyễn Hoàng Hiệp nói.

Với tinh thần đó, Bộ Nông nghiệp và Môi trường đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, từ Luật, Nghị định đến Thông tư, bảo đảm thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi; tổ chức thực hiện đầy đủ, hiệu quả các nhiệm vụ được giao tại các Nghị quyết của Chính phủ, với yêu cầu rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ sản phẩm, rõ kết quả.

Ông Nguyễn Hoàng Hiệp cũng nhấn mạnh diễn đàn hôm nay được tổ chức với tinh thần đối thoại thẳng thắn, thực chất và cầu thị. Bộ Nông nghiệp và Môi trường mong muốn lắng nghe các phản ánh, kiến nghị cụ thể, trực tiếp từ địa phương, hiệp hội, doanh nghiệp và các đối tượng chịu tác động trực tiếp.

Tinh thần xuyên suốt của Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cải cách phải thực chất, quản lý phải minh bạch và hiệu quả; phân quyền, phân cấp phải gắn với kiểm tra, giám sát; tạo thuận lợi tối đa cho người dân và doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước. Qua đó tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chất lượng phục vụ của ngành và đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng hai con số của đất nước.

Bên cạnh đó, diễn đàn cũng dành nhiều thời gian cho việc đối thoại, trao đổi trực tiếp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp về khó khăn, vướng mắc trong thực hiện thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Thông qua diễn đàn, Bộ Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục khẳng định quyết tâm đẩy mạnh cải cách thể chế, pháp luật, nhất là cải cách thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh theo hướng thực chất, hiệu quả, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm; tăng cường phối hợp, đối thoại giữa các cơ quan quản lý nhà nước, địa phương, hiệp hội và cộng đồng doanh nghiệp

nhằm tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, minh bạch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội bền vững trong kỷ nguyên mới.

Nguồn: vietnamplus.vn

BỘ XÂY DỰNG BAN HÀNH KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC TRỌNG TÂM GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Nhằm triển khai Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030 của Chính phủ, ngày 16/6/2026, tại Quyết định số 930/QĐ-BXD, Bộ Xây dựng Ban hành Kế hoạch cải cách hành chính Nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030.

Đến năm 2030, 100% cơ quan, đơn vị đạt cấp 4 mức độ trưởng thành về quản lý dữ liệu

Theo Kế hoạch, Bộ Xây dựng đặt mục tiêu tiếp tục thể chế hóa đầy đủ các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khắc phục những tồn tại, hạn chế trong giai đoạn 2021 - 2025; nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường đổi mới sáng tạo và nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2030.

Giai đoạn 2026 - 2027, Bộ Xây dựng phân đầu hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung hệ thống thể chế về tổ chức và hoạt động của bộ máy hành chính; hoàn thiện cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập; hoàn thành sắp xếp các đơn vị sự nghiệp, trường học, cơ sở y tế và doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ.

Đồng thời, 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện sẽ được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử đạt 100%; 95% người dân và doanh nghiệp hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Đến giai đoạn 2028 - 2030, Bộ Xây dựng hướng tới xây dựng hệ thống pháp luật công bằng, đồng bộ, thống nhất và minh bạch; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chất lượng cao; bảo đảm mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%, trong đó lĩnh vực xây dựng và đầu tư đạt tối thiểu 90%.

Tỷ lệ khai thác, sử dụng lại dữ liệu số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 90%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đạt tối thiểu 80%. 100% cơ quan, đơn vị thuộc Bộ đạt cấp độ 4 về trưởng thành quản trị dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở đúng chuẩn.

Tập trung triển khai 6 nhiệm vụ trọng tâm

Kế hoạch xác định 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm gồm: Cải cách thể chế; cải cách thủ tục hành chính; cải cách tổ chức bộ máy; cải cách chế độ công vụ; cải cách tài chính công; xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số.

Trong lĩnh vực cải cách thể chế, Bộ Xây dựng tiếp tục tham gia hoàn thiện hệ thống pháp luật về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch; rà soát, hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế nhà nước và kinh tế tư nhân; đồng thời đổi mới quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khoa học, hiện đại, tăng cường tham vấn chuyên gia, tổ chức và người dân.

Về cải cách thủ tục hành chính, Bộ sẽ kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các thủ tục hành chính mới, đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục rườm rà, chồng chéo; tăng cường khai thác dữ liệu số để tái cấu trúc quy trình giải quyết thủ tục hành chính.

Kế hoạch cũng yêu cầu xây dựng, nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực xây dựng và giao thông vận tải theo mô hình tập trung, tích hợp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Đối với cải cách tổ chức bộ máy, Bộ Xây dựng tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị trực thuộc; sắp xếp tinh gọn đầu mối bên trong; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với cơ chế kiểm soát quyền lực và nâng cao trách nhiệm người đứng đầu.

Trong cải cách chế độ công vụ, Bộ tập trung triển khai đồng bộ Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025; hoàn thiện vị trí việc làm; đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo vị trí việc làm và khung năng lực; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Về cải cách tài chính công, Bộ sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế tài chính, triển khai hiệu quả cơ chế tự chủ của cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường và bảo đảm nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính.

Đáng chú ý, trong xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Bộ Xây dựng sẽ triển khai Chiến lược dữ liệu của Bộ; xây dựng, nâng cấp các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; đẩy mạnh số hóa dữ liệu phục vụ cắt giảm thủ tục hành chính; phát triển các nền tảng số dùng chung và tích hợp các công cụ trợ lý ảo trong hoạt động điều hành, cung cấp dịch vụ công.

Theo Quyết định, Vụ Tổ chức cán bộ là cơ quan thường trực cải cách hành chính của Bộ Xây dựng, có trách nhiệm tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi và đánh giá việc triển khai Kế hoạch; các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ có trách nhiệm cụ thể hóa các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030.

Nguồn: baoxaydung.vn

HÀ NỘI BAN HÀNH KHUNG KIẾN TRÚC SỐ

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội vừa ban hành Khung kiến trúc số thành phố Hà Nội (Phiên bản 1.0), nhằm tạo nền tảng thống nhất cho quá trình xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh trên địa bàn Thủ đô.

Đây sẽ là căn cứ để định hướng, thẩm định, triển khai và vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và dịch vụ số của Thành phố theo hướng đồng bộ, liên thông, tránh đầu tư trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Hà Nội sẽ chuyển từ phương thức quản lý, điều hành chủ yếu dựa trên báo cáo và kinh nghiệm sang mô hình quản trị dựa trên dữ liệu, phân tích, dự báo và các khuyến nghị thông minh. Dữ liệu được xác định là tài sản và nguồn lực quan trọng, là nền tảng cho quá trình ra quyết định, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.

Khung kiến trúc số thành phố Hà Nội được phát triển theo mô hình kiến trúc số thế hệ mới (Gen 4), lấy dữ liệu làm trung tâm, phát triển các nền tảng số dùng chung và đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động quản lý, điều hành.

Mô hình này hướng tới xây dựng chính quyền số có khả năng giám sát, phân tích, dự báo và hỗ trợ ra quyết định trên cơ sở dữ liệu thời gian thực, đồng thời vẫn bảo đảm vai trò quyết định và trách nhiệm của con người trong quản lý nhà nước.

Một trong những định hướng quan trọng của khung kiến trúc số là bảo đảm các dịch vụ số được cung cấp thuận tiện, minh bạch, thống nhất và dễ tiếp cận. Thành phố cũng chú trọng tăng cường chia sẻ dữ liệu, phát triển dữ liệu mở, bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong toàn bộ quá trình chuyển đổi số.

Khung kiến trúc số được áp dụng thống nhất trong toàn bộ hệ thống chính trị thành phố Hà Nội, đồng thời khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân tham gia khai thác, ứng dụng và phát triển các dịch vụ số.

Theo định hướng phát triển, đến năm 2030, Hà Nội sẽ hình thành hệ sinh thái số đồng bộ, liên thông, phục vụ hiệu quả quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

Tầm nhìn đến năm 2045, Hà Nội phấn đấu trở thành “Thành phố số phát triển”, có năng lực làm chủ một số công nghệ lõi, kinh tế số chiếm trên 60% GRDP, chính quyền vận hành thông minh, minh bạch, hiệu quả, người dân và doanh nghiệp được phục vụ ngày càng thuận tiện, an toàn và bình đẳng.

Nguồn: hanoimoi.vn

THÁI NGUYÊN: 6 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ÁP DỤNG CƠ CHẾ “LUỒNG XANH 60%”

Nhằm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế “Luồng xanh 24 giờ” và “Luồng xanh 60%”, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đã đăng ký áp dụng cơ chế “Luồng xanh 60%” đối với 6 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực chuyển giao công nghệ, đo lường, khoa học và công nghệ, viễn thông, bưu chính. Theo đó, thời gian giải quyết các thủ tục này sẽ được rút ngắn tối thiểu 60% so với quy định hiện hành.

Các thủ tục gồm: cấp giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ; gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ; điều chỉnh nội dung quyết định chứng nhận và cấp thẻ kiểm định viên đo lường.

Cùng với đó là các thủ tục thay đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký tổ chức khoa học và công nghệ; giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông; sửa đổi, bổ sung văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên đang quản lý 192 thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực như: hoạt động khoa học và công nghệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, tần số vô tuyến điện, bưu chính, viễn thông và Internet, sở hữu trí tuệ, công nghệ thông tin.

Việc thực hiện hiệu quả cơ chế “luồng xanh” được kỳ vọng góp phần thúc đẩy đầu tư, sản xuất, kinh doanh, đồng thời tạo động lực cho đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Nguồn: baohainguyen.vn

HUNG YÊN: TẠM DỪNG BỔ NHIỆM LÃNH ĐẠO CẤP PHÒNG

Tỉnh ủy Hưng Yên ban hành văn bản số 376-KL/TU ngày 29/5/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nâng cao chất lượng cán bộ, công chức của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tỉnh trong tình hình mới.

Trong văn bản nêu rõ, tỉnh xác định nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách, có ý nghĩa quyết định đối với hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị và mô hình chính quyền địa phương 2 cấp trong giai đoạn mới.

Đáng chú ý, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên chỉ đạo, tạm dừng việc bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo quản lý cấp phòng tại các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp xã và tại các đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh (trừ các trường hợp đang hoặc đã từng giữ chức vụ tương đương hoặc cao hơn) kể từ ngày 29/5/2026 đến khi

hoàn thành việc phân công, điều động đối với các lãnh đạo quản lý cấp phó đang vượt quy định của cơ quan, đơn vị.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên yêu cầu, các cơ quan liên quan, tập trung rà soát, hoàn thiện tiêu chuẩn, tiêu chí theo yêu cầu vị trí việc làm; đánh giá đúng thực chất về phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, kết quả thực hiện nhiệm vụ, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và khả năng đáp ứng yêu cầu công việc của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã.

Các cơ quan, đơn vị kiên quyết thay thế, bố trí công tác khác đối với cán bộ năng lực hạn chế, thiếu tinh thần trách nhiệm, uy tín thấp hoặc không đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Tỉnh đổi mới công tác tuyển dụng, thu hút cán bộ trẻ, cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ năng số; tăng cường điều động, luân chuyển cán bộ từ cấp tỉnh về cơ sở, nhất là các lĩnh vực đất đai, xây dựng, tài chính, kiểm tra, thanh tra, chuyển đổi số và cải cách hành chính. Các bên liên quan quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ, quản trị hiện đại và chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ cấp xã. Khuyến khích cán bộ tự học tập, nâng cao trình độ, vừa học vừa làm gắn với yêu cầu nhiệm vụ thực tiễn.

Mặt khác, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hưng Yên chỉ đạo, việc sắp xếp cán bộ phải đảm bảo đúng người, đúng việc, phù hợp với năng lực sở trường, yêu cầu nhiệm vụ và đặc điểm địa bàn; ưu tiên cán bộ có kinh nghiệm, năng lực điều hành về các địa bàn trọng điểm, địa bàn phức tạp, có khối lượng công việc lớn đang trong quá trình đô thị hóa.

Trước đó, Tỉnh ủy Hưng Yên đã thành lập 4 đoàn công tác do Thường trực Tỉnh ủy làm trưởng đoàn trực tiếp làm việc với 104 xã, phường ở tỉnh từ ngày 28/5/2026 đến ngày 10/6/2026. Các đoàn công tác tập trung làm rõ những kết quả đạt được, mô hình hay, cách làm hiệu quả; trực tiếp lắng nghe, ghi nhận những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ cơ sở để có giải pháp xử lý phù hợp. Đây cũng là dịp để tỉnh đánh giá việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 8/5/2026 của Thủ tướng Chính phủ về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức chính quyền địa phương cấp xã, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Nguồn: vietnamplus.vn

HẢI PHÒNG: CHUYỂN ĐỔI SỐ TẠO ĐÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

Sau hơn một năm thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, cộng đồng doanh nghiệp tại Hải Phòng đã có thêm nhiều cơ hội tiếp cận nguồn lực phục vụ sự phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt về thể chế và chuyển đổi số.

Theo thông tin từ Sở Tài chính Hải Phòng, thành phố đã có những cải cách đột phá về thủ tục hành chính, minh bạch thông tin. Cụ thể, đối với lĩnh vực đất đai, nền tảng dữ liệu số đã trở thành trụ cột quan trọng giúp nâng cao tính công bằng trong tiếp cận nguồn lực của doanh nghiệp.

Thành phố đã hoàn thành số hóa và đồng bộ 100% dữ liệu của hơn 1,1 triệu thửa đất vào cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, đồng thời công khai toàn bộ quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất trên các cổng thông tin điện tử. Sự chuyển đổi từ hình thức cung cấp thông tin truyền thống sang nền tảng số đã giúp các tổ chức, cá nhân dễ dàng tra cứu, khai thác thông tin, tăng tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro pháp lý cho nhà đầu tư khi tìm kiếm cơ hội đầu tư, sản xuất kinh doanh.

Thành phố cũng tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa. Sở Tài chính đang triển khai 119 khóa đào tạo hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trong năm 2026 với các nội dung về khởi sự kinh doanh, quản trị doanh nghiệp.

Cùng với đó, ngành đang xây dựng chương trình đào tạo lãnh đạo doanh nghiệp nhỏ và vừa của thành phố với mục tiêu đến năm 2030 đào tạo, bồi dưỡng 3.000 giám đốc điều hành, trong đó chú trọng đào tạo lãnh đạo doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực thế mạnh của thành phố như cảng biển, logistics, đóng tàu, hạ tầng khu công nghiệp, công nghiệp điện tử, bán dẫn và công nghiệp công nghệ cao.

Theo ông Đào Huy Lộc, Chủ tịch Câu lạc bộ Đầu tư và Khởi nghiệp Hải Phòng, thành phố đã tăng cường gặp gỡ, đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp, đồng thời cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh. Đây là những điều kiện quan trọng để khu vực kinh tế tư nhân mở rộng quy mô và nâng cao năng lực cạnh tranh. Thời gian tới, để doanh nghiệp tư nhân phát triển mạnh mẽ, thành phố cần tiếp tục có các giải pháp đột phá về thể chế. Theo ông Lộc, đột phá thể chế không phải là sửa vài thủ tục mà là thiết kế cơ chế tương tác mới giữa chính quyền, hiệp hội, doanh nghiệp, nhà đầu tư, chuyên gia và trường đại học.

Ông Nguyễn Mạnh Hùng, Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Đầu tư Trang Khanh cho biết, để phát triển doanh nghiệp trong thời gian tới, việc ứng dụng khoa học công nghệ là yếu tố sống còn. Công nghệ giúp doanh nghiệp giải phóng thời gian khỏi những công việc lặp lại để tập trung vào chiến lược và sáng tạo, tối ưu chi phí, tăng khả năng tiếp cận thị trường.

Để phát triển doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo nói riêng, ông Nguyễn Mạnh Hùng đề xuất các cơ quan, đơn vị liên quan kết nối startup trẻ với các doanh nhân giàu kinh nghiệm tại nhiều khu vực và đồng hành cùng doanh nghiệp khởi nghiệp từ 6 tháng đến 1 năm thay vì chỉ chia sẻ kinh nghiệm trong các buổi hội thảo.

Về phía Sở Khoa học và Công nghệ Hải Phòng, ông Lê Lương Thịnh, Phó Giám đốc cho biết, định hướng phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp Hải Phòng sẽ dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này dựa trên nền tảng vững chắc khi Hải Phòng là thành phố lớn thứ 3 cả nước, đứng thứ tư về Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII).

Các giải pháp Hải Phòng triển khai nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gồm thực hiện Nghị quyết số 226/2025/QH15 về cơ chế đặc thù phát triển Hải Phòng, trong đó tập trung vào các chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân; miễn tiền thuê đất, mặt nước; hỗ trợ không hoàn lại và cơ chế thử nghiệm có kiểm soát.

Thành phố cũng sẽ hình thành Quỹ Đầu tư mạo hiểm thành phố và thu hút các quỹ đầu tư mạo hiểm quốc tế. Về phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, Hải Phòng sẽ xây

dựng công viên khoa học và đổi mới sáng tạo; đầu tư xây dựng hạ tầng thiết yếu; tạo không gian kết nối sáng tạo cộng đồng tại các trường đại học cùng một số nội dung khác.

Ông Lê Trung Kiên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cho biết, để triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW hiệu quả hơn trong thời gian tới, các cơ quan, đơn vị liên quan cần tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, hoàn thiện các nhiệm vụ được giao. Trong đó, Sở Tài chính chủ trì tham mưu bổ sung, cập nhật nhiệm vụ của các đơn vị liên quan.

Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng khẩn trương hoàn thành việc xác định giá đất tại các khu, cụm công nghiệp và giá thuê trụ sở dôi dư. Sở Xây dựng công khai, minh bạch các quy hoạch, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp trong tiếp cận thông tin và thực hiện các thủ tục cấp phép xây dựng. Sở Công Thương sớm tham mưu chiến lược phát triển công nghiệp hỗ trợ của thành phố, đồng thời rà soát, lựa chọn các doanh nghiệp có tiềm năng để tập trung hỗ trợ phát triển, nâng cao năng lực cạnh tranh ở quy mô quốc gia và quốc tế.

Đối với lĩnh vực khoa học, công nghệ, ông Lê Trung Kiên yêu cầu tăng cường hợp tác, chuyển giao công nghệ, kết nối cung - cầu công nghệ, đẩy mạnh trao đổi các sản phẩm khoa học với các quốc gia có trình độ phát triển cao trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa, chuyên đổi số, công nghệ bán dẫn, đồng thời thúc đẩy phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Cùng với đó, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu cần đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hỗ trợ các hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp, góp phần mở rộng và nâng cao chất lượng khu vực kinh tế tư nhân trên địa bàn thành phố.

Nguồn: baotintuc.vn

NINH BÌNH: XÂY DỰNG NỀN QUẢN TRỊ ĐỊA PHƯƠNG HIỆN ĐẠI, PHỤC VỤ NHÂN DÂN TỐT HƠN

Thực tiễn triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Ninh Bình thời gian qua cho thấy những chuyển động rõ nét trong tư duy và phương thức quản trị. Từ việc đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” đến xây dựng chính quyền số, lấy người dân làm trung tâm phục vụ, tỉnh đã từng bước tạo dựng nền hành chính năng động, linh hoạt và hiệu quả.

Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm “6 rõ”

Một trong những yêu cầu quan trọng được Trung ương đặt ra khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là phải tạo lập được cơ chế quản trị linh hoạt, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo, đùn đẩy trách nhiệm hoặc phụ thuộc quá mức vào cấp trên. Tinh thần ấy được thể hiện xuyên suốt trong các chủ trương của Trung ương với phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”.

Quán triệt các chỉ đạo của Trung ương, ngay từ những ngày đầu vận hành mô hình mới, Ninh Bình xác định phân cấp, phân quyền là giải pháp căn cơ để nâng cao hiệu lực, hiệu quả

quản lý nhà nước ở địa phương. Mọi nội dung phân cấp đều được rà soát kỹ lưỡng theo nguyên tắc “6 rõ”: rõ việc, rõ người, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm. Đây cũng được xem là “trục xuyên suốt” trong toàn bộ quá trình tổ chức, vận hành chính quyền địa phương 2 cấp của tỉnh.

Từ ngày 01/7/2025 đến nay, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành 6 văn bản về phân cấp, ủy quyền một số nội dung về công tác tổ chức xây dựng Đảng, quản lý cán bộ, công chức. Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành 119 văn bản về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền và ủy quyền cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện nhiệm vụ.

Trong đó Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 17 quyết định phân cấp; 15 quyết định ủy quyền cho cấp xã thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo các ngành, lĩnh vực: Nội vụ, đất đai, đầu tư xây dựng, quản lý đô thị, quản lý tài sản công. Số nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền từ tỉnh về cấp xã là 79 nhiệm vụ (64 nhiệm vụ được phân cấp và 15 nhiệm vụ được ủy quyền). Các nhiệm vụ đã phân cấp, ủy quyền bảo đảm đầy đủ các điều kiện cần thiết để các sở, ngành và cấp xã tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

Quá trình phân cấp, phân quyền tại Ninh Bình đi kèm cơ chế kiểm tra, giám sát, hướng dẫn thường xuyên. Vai trò của cấp tỉnh chuyển mạnh sang hoạch định chính sách, điều hành, kiểm tra và kiến tạo phát triển. Trong khi đó, cấp xã được trao nhiều quyền chủ động hơn để giải quyết những vấn đề phát sinh trên địa bàn.

Tại xã Hải Thịnh, đơn vị hành chính mới được hình thành trên cơ sở sáp nhập xã Hải Châu, xã Hải Ninh và thị trấn Thịnh Long (trước đây), với quy mô 32,92km², hơn 33 nghìn dân, trong đó đồng bào theo đạo Công giáo chiếm khoảng 29,3%, những thay đổi từ chủ trương đẩy mạnh phân cấp, phân quyền được thể hiện khá rõ nét.

Ngay sau khi kiện toàn tổ chức bộ máy, Đảng ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh đã nhanh chóng ổn định nền nếp làm việc, ban hành và điều chỉnh quy chế hoạt động, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức theo hướng rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm.

Trên cơ sở đó, các quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, tiếp nhận và xử lý đơn thư... được rà soát, chuẩn hóa lại, bảo đảm tính thống nhất và thông suốt trong toàn bộ hệ thống. Nhiều thủ tục hành chính trước đây phải qua nhiều tầng nấc xử lý đã được giải quyết trực tiếp tại cơ sở, rút ngắn thời gian, giảm chi phí đi lại, tạo thuận lợi rõ rệt cho người dân, doanh nghiệp.

Đồng chí Nguyễn Văn Long, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hải Thịnh cho biết: “Việc thực hiện các quy định về phân cấp, phân quyền đã tạo điều kiện để địa phương chủ động hơn trong giải quyết công việc, xử lý kịp thời những vấn đề phát sinh từ cơ sở. Nhiều nhiệm vụ thuộc các lĩnh vực đất đai, xây dựng, quản lý hành chính được xử lý ngay tại cơ sở, giảm thời gian đi lại và chờ đợi của người dân và doanh nghiệp. Đồng thời, trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi nhiệm vụ cũng được nâng lên rõ rệt. Qua đó nâng cao hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp”.

Qua một năm thực hiện, có thể thấy phần lớn các nhiệm vụ được phân cấp, phân quyền đều phù hợp với năng lực tổ chức thực hiện của ngành, địa phương. Quan trọng hơn, việc phân định rõ trách nhiệm giữa Trung ương, cấp tỉnh và cấp xã đã góp phần hình thành nền hành chính chủ động, linh hoạt hơn; giảm đáng kể tình trạng chờ đợi, xin ý kiến nhiều tầng nấc; nâng cao trách nhiệm giải trình của từng cấp, từng ngành trong thực thi nhiệm vụ.

Xây dựng chính quyền số lấy người dân làm trung tâm phục vụ

Nếu phân cấp, phân quyền tạo thêm không gian chủ động cho cơ sở thì chuyển đổi số chính là công cụ quan trọng giúp bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp vận hành hiệu quả, thông suốt và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn. Ngay từ những ngày đầu triển khai, Ninh Bình xác định chuyển đổi số là giải pháp quan trọng để đổi mới phương thức quản trị địa phương. Quan điểm chỉ đạo xuyên suốt của tỉnh là lấy dữ liệu làm nền tảng, làm công cụ trung tâm phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, từng bước chuyển từ phương thức quản lý truyền thống sang quản trị dựa trên dữ liệu.

Từ định hướng đó, tỉnh tập trung xây dựng hạ tầng số đồng bộ, liên thông từ tỉnh đến cơ sở. Công dữ liệu mở của tỉnh đã được đưa vào khai thác, vận hành, tạo điều kiện để chia sẻ, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước và phát triển kinh tế - xã hội. Kho dữ liệu dùng chung (Data Warehouse), nền tảng điện toán đám mây dùng riêng của tỉnh (Private Cloud) đang được tích cực triển khai nhằm xây dựng hạ tầng lưu trữ, kết nối và chia sẻ dữ liệu thống nhất trên toàn địa bàn.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được tỉnh tập trung thực hiện là chuẩn hóa, làm sạch và kết nối các cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo Đề án 06 của Chính phủ. Các sở, ngành, địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện dữ liệu, bảo đảm việc chia sẻ, khai thác thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công được thực hiện nhanh chóng, chính xác, hạn chế tối đa việc người dân phải cung cấp lại các thông tin đã có trong hệ thống.

Cùng với xây dựng hạ tầng số, Ninh Bình đẩy mạnh đổi mới phương thức điều hành dựa trên dữ liệu. Nhiều lĩnh vực trọng tâm như đầu tư công, giải phóng mặt bằng, tăng trưởng kinh tế, cải cách hành chính... được tích hợp, theo dõi trên Trung tâm điều hành thông minh (IOC), giúp lãnh đạo các cấp kịp thời nắm bắt tình hình và đưa ra quyết định quản lý chính xác hơn.

Đến nay, 100% cơ quan Đảng, đoàn thể và cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh sử dụng phần mềm quản lý văn bản và điều hành; 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và kết nối liên thông với các cơ quan Trung ương cũng như các tỉnh, thành phố trong cả nước.

Việc tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường số từng bước trở thành phương thức làm việc thường xuyên trong toàn hệ thống chính trị. Mặt khác, công tác cải cách hành chính được triển khai đồng bộ gắn với chuyển đổi số và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm cụ thể hóa các chủ trương, bảo đảm triển khai thống nhất, toàn diện công tác cải cách hành chính trên địa bàn.

Thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP của Chính phủ về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tỉnh đã tập trung rà soát, chuẩn hóa quy trình giải quyết hồ sơ, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Hiện nay, toàn tỉnh có 2.008 thủ tục hành chính, trong đó có 1.995 thủ tục hành chính do Trung ương quy định và 13 thủ tục hành chính đặc thù của địa phương. Toàn bộ thủ tục hành chính được công khai theo quy định; hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính hoạt động ổn định, bảo đảm việc tiếp nhận, theo dõi và giải quyết hồ sơ được thực hiện liên tục, thông suốt, nhanh chóng đi vào hoạt động ổn định.

Với phương châm lấy người dân làm trung tâm phục vụ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã đã ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tiếp nhận và giải quyết hồ sơ; công khai thủ tục hành chính bằng mã QR; thực hiện đồng bộ cơ chế một cửa, một cửa liên thông giúp người dân tiếp cận dịch vụ công thuận tiện hơn. Hiệu quả của quá trình chuyển đổi số được phản ánh rõ nét qua các chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Chỉ số công khai, minh bạch đạt tuyệt đối 18/18 điểm; chỉ số tiến độ giải quyết hồ sơ đạt 19,1/20 điểm.

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 25/5/2026, các xã, phường trên địa bàn tỉnh đã tiếp nhận trên 1,15 triệu hồ sơ thủ tục hành chính. Tỷ lệ nộp hồ sơ trực tuyến đạt 94,2%; tỷ lệ hồ sơ được giải quyết đúng hạn đạt 96,9%; tỷ lệ thủ tục hành chính có giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 91,33%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 89,37%. Đáng chú ý, mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính đạt 95,61%; tỷ lệ hài lòng trong xử lý phản ánh, kiến nghị đạt 100%.

Chuyển đổi số đang góp phần thay đổi phương thức quản trị địa phương, từng bước hình thành nền hành chính vận hành trên dữ liệu, điều hành bằng dữ liệu và phục vụ người dân bằng dữ liệu. Qua đó góp phần quan trọng xây dựng chính quyền số thực chất, hiện đại, minh bạch, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

Nguồn: baoninhbinh.org.vn

HÀ TĨNH: RA MẮT MÔ HÌNH “HỖ TRỢ NHÓM ĐỐI TƯỢNG YẾU THỂ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Sáng ngày 18/6/2026, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Trung (tỉnh Hà Tĩnh) tổ chức lễ ra mắt mô hình “Hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thể trong giải quyết thủ tục hành chính xã Cẩm Trung”. Dự lễ ra mắt có Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Nguyễn Trọng Tứ.

Thời gian qua, bám sát các chỉ đạo của cấp trên về đẩy mạnh cải cách hành chính và chuyển đổi số, Ủy ban nhân dân xã Cẩm Trung đã tích cực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công. Đến nay, tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên địa bàn đạt trên 97%; tỷ lệ

số hóa hồ sơ đạt 100%; tỷ lệ thanh toán trực tuyến đạt trên 99%; mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp đạt 99%; 100% hồ sơ được giải quyết đúng và trước hạn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu ngày càng cao của công tác quản lý trên môi trường số, thực tiễn cho thấy một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, người khuyết tật, người già neo đơn... vẫn gặp không ít rào cản khi tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

Việc ra mắt mô hình “Hỗ trợ nhóm đối tượng yếu thế trong giải quyết thủ tục hành chính xã Cẩm Trung” có ý nghĩa thiết thực, góp phần hiện thực hóa tinh thần “không ai bị bỏ lại phía sau trong chuyển đổi số”.

Mô hình nhằm hỗ trợ trực tiếp, kịp thời cho các nhóm đối tượng yếu thế khi thực hiện thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục thực hiện qua cổng dịch vụ công và các nền tảng số; giảm thời gian đi lại, giảm sai sót trong quá trình kê khai, nộp hồ sơ; đảm bảo người dân tiếp cận dịch vụ công thuận tiện, an toàn, đúng quy định; nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, góp phần thúc đẩy cải cách hành chính và chuyển đổi số đi vào thực chất, hiệu quả.

Phát biểu tại lễ ra mắt, Phó Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Nguyễn Trọng Tú đề nghị cấp ủy, chính quyền địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về mục đích, ý nghĩa của mô hình đến tận từng hộ gia đình, địa bàn dân cư. Các bộ phận chuyên môn, đội ngũ cán bộ, công chức trực tại điểm tiếp nhận và trả kết quả phải không ngừng nâng cao tinh thần trách nhiệm; siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính và giữ vững thái độ phục vụ chu đáo, tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất cho người dân.

Ngoài ra, trong quá trình vận hành, địa phương cần thường xuyên theo dõi, đánh giá, kịp thời rút kinh nghiệm để hoàn thiện quy trình, vận hành mô hình một cách hiệu quả, thiết thực.

Nguồn: baohatinh.vn

QUẢNG TRỊ: PHƯƠNG CHÂM “3 TĂNG, 2 GIẢM, 2 KHÔNG” TRONG VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN 2 CẤP

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, phường Đông Hà và xã Cam Lộ (tỉnh Quảng Trị) đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong cải cách hành chính và phục vụ người dân. Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã được hình thành đã tăng khả năng tiếp cận dịch vụ công từ cơ sở, đưa chính quyền gần với người dân hơn.

Tối ưu hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện chỉ đạo của của Trung ương và của tỉnh, phường Đông Hà đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuẩn bị, tổ chức vận hành hoạt động của chính quyền theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp bảo đảm hiệu quả và phù hợp với tình hình thực tiễn của phường.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường Đông Hà Phạm Văn Dũng cho biết, địa phương xác định cải cách hành chính, đặc biệt là giải quyết thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, là nhiệm vụ trọng tâm, là “chìa khoá” để chính quyền đến gần với người dân hơn.

Ủy ban nhân dân phường Đông Hà đã ưu tiên bổ sung thêm trang thiết bị, máy móc, phục vụ hoạt động Trung tâm Phục vụ hành chính công phường, như: trang bị đầy đủ hệ thống máy tính, scan, máy in, máy lấy số thứ tự, màn hình hiển thị thông tin tại các quầy giao dịch, kiost tra cứu thủ tục hành chính và nộp hồ sơ trực tuyến.

Việc ứng dụng các giải pháp công nghệ mới như trang Zalo OA, máy lấy số thứ tự, kiost tra cứu thủ tục hành chính và nộp hồ sơ trực tuyến không chỉ giúp người dân và doanh nghiệp tiếp cận dịch vụ công thuận lợi, mà còn giảm tải cho bộ máy hành chính, nâng cao trải nghiệm và mức độ hài lòng của người dân.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân phường đã chỉ đạo các cơ quan cử công chức chuyên môn đến làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công để tiếp nhận, hướng dẫn, hỗ trợ người dân trong việc nộp hồ sơ đúng thành phần, tránh việc phải đi lại, bổ sung hồ sơ nhiều lần, đồng thời trả kết quả thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị mình.

Bên cạnh đó, phường đặc biệt chú trọng bồi dưỡng kỹ năng giao tiếp và ứng xử, giúp công chức không chỉ giỏi chuyên môn mà còn phải có thái độ phục vụ tận tâm, coi người dân là khách hàng phục vụ.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường Đông Hà cho biết, quá trình sắp xếp, kiện toàn bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, phường Đông Hà đã chú trọng bố trí cán bộ, công chức theo vị trí việc làm và năng lực thực tế, bảo đảm phát huy được sở trường công tác, không bỏ sót nhiệm vụ, tránh chồng chéo, rõ người, rõ việc.

Đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện công vụ, đạo đức công vụ, tác phong lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức, nhằm xử lý nghiêm, kịp thời những vi phạm, khắc phục kịp thời tình trạng cán bộ, công chức đùn đẩy, né tránh, trách nhiệm trong giải quyết công.

Theo đó, trong 1 năm qua, với quyết tâm cao và sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, công tác cải cách hành chính, trọng tâm là nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đã có những bước phát triển mới.

Kết quả, từ khi thành lập phường đến cuối tháng 4/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công phường đã tiếp nhận mới hơn 14.000 hồ sơ, tỷ lệ trả kết quả đúng và trước hạn đã đạt mức tuyệt đối 100%, không có hồ sơ quá hạn; tỷ lệ tiếp nhận hồ sơ trực tuyến đạt tới 91,42%; tỷ lệ số hóa đầu vào đạt 99,87% và số hóa kết quả giải quyết đạt 99,79%..

“Chìa khoá” để gần dân hơn

Tại xã Cam Lộ, ngay sau khi chính thức vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã Cam Lộ hướng mục tiêu “tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả”.

Theo Bí thư Đảng ủy xã Cam Lộ Thái Thị Hồng Minh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, xã đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức bộ máy, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và tập trung nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công xã.

Với phương châm “3 tăng, 2 giảm, 2 không” (tăng chất lượng, tăng số hóa, tăng hài lòng; giảm thủ tục, giảm thời gian; không gây phiền hà, không phát sinh chi phí ngoài), xã Cam Lộ

đã tập trung vào triển khai đồng bộ các giải pháp về cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh số hoá, vận hành hiệu quả Trung tâm Phục vụ hành chính công.

Kết quả sau 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp tại xã Cam Lộ có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét trên các phương diện quản trị, điều hành, phát triển kinh tế - xã hội, cải cách hành chính, phục vụ nhân dân, bảo đảm quốc phòng - an ninh và củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở.

Năm 2025, xã đã hoàn thành 21/21 chỉ tiêu; đời sống nhân dân từng bước được cải thiện, nâng cao, tỷ lệ hộ nghèo 1,12%, thu nhập bình quân đầu người 77,9 triệu đồng. Việc tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian đã tạo điều kiện nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đồng thời phát huy tốt hơn vai trò chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã trong giải quyết công việc, phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Từ ngày 01/7/2025 đến ngày 10/5/2026, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 9.486 hồ sơ, trả kết quả trước hạn 9.466 hồ sơ, đạt 99,8%; tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ và kết quả đạt 100%; mức độ hài lòng của người dân trên 98% năm 2025.

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã Cam Lộ được xếp loại 9/78 xã, phường, đặc khu của tỉnh Quảng Trị. Cấp uỷ, chính quyền nắm bắt và chỉ đạo giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề bức xúc trong Nhân dân, từ đó đã hạn chế phát sinh những vấn đề phức tạp, đơn thư kiến nghị kéo dài, vượt cấp.

Phát huy kết quả trên, Bí thư Đảng ủy xã Cam Lộ cho biết, thời gian tới xã Cam Lộ tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai thực hiện hiệu quả cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông” theo nguyên tắc “một điểm đến - một cấp giải quyết - một cấp chịu trách nhiệm”.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tập trung ưu tiên đầu tư hạ tầng công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, đồng bộ từ tỉnh đến xã, tạo nền tảng cho sự vận hành thông suốt để phục vụ người dân, doanh nghiệp tốt hơn. Cùng với đó, tạo điều kiện để người dân tham gia, giám sát và phản biện góp ý hoạt động của chính quyền cơ sở. Tăng cường đối thoại, tiếp dân, giải quyết thấu đáo các kiến nghị, lấy sự hài lòng và niềm tin của nhân dân làm thước đo quan trọng nhất cho hiệu quả hoạt động công vụ.

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát. Kiên quyết xử lý nghiêm và đưa ra khỏi hệ thống những cán bộ, công chức gây phiền hà, nhũng nhiễu, làm suy giảm niềm tin của nhân dân, coi đây là giải pháp quan trọng để giữ vững kỷ cương hành chính và xây dựng niềm tin, củng cố uy tín chính quyền trong lòng dân.

Nguồn: baochinhphu.vn

ĐÀ NẴNG THÍ ĐIỂM PHÂN CẤP KÝ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC CHI NHÁNH VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Sở Nông nghiệp và Môi trường thành phố Đà Nẵng vừa có công văn chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai triển khai thí điểm phân cấp ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp đăng ký biến động của cá nhân, cộng đồng dân cư.

Nội dung công văn nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Từ ngày 15/6 - 15/7/2026, việc ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất được thực hiện thí điểm tại 4 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai gồm: Khu vực I (Hải Châu - Thanh Khê); Khu vực II (Sơn Trà - Ngũ Hành Sơn); Khu vực X (Thăng Bình) và Khu vực XVIII (xã Quế Sơn).

Sau giai đoạn thí điểm, thành phố sẽ triển khai đồng bộ tại 20 chi nhánh trên toàn địa bàn từ ngày 1/8/2026.

Việc chuyển giao thẩm quyền nhằm giảm khâu trung gian, rút ngắn thời gian luân chuyển và xử lý hồ sơ; đồng thời nâng cao trách nhiệm của từng đơn vị, cá nhân theo nguyên tắc “6 rõ” (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền và rõ kết quả).

Từ ngày 01/8/2026, cùng với việc triển khai đồng bộ tại 20 chi nhánh, thành phố thực hiện cắt giảm từ 1 đến 1,5 ngày làm việc đối với 4 thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Cụ thể, thời hạn giải quyết thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất không quá 4 ngày làm việc (giảm 1 ngày làm việc).

Thời hạn giải quyết thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất không quá 8,5 ngày làm việc (giảm 1,5 ngày làm việc).

Thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký; gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở của tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật về nhà ở nội dung đã đăng ký không quá 7 ngày làm việc đối với trường hợp đăng ký quyền sở hữu tài sản gắn liền với thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận (giảm 1 ngày làm việc).

Thời hạn giải quyết thủ tục tách thửa hoặc hợp thửa đất không quá 11 ngày làm việc (giảm 1 ngày làm việc).

Nguồn: baodanang.vn

GIA LAI NÂNG CAO NĂNG LỰC CÁN BỘ, ĐẨY MẠNH KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Mới đây, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao nghiệp vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2026 nhằm cập nhật, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức.

Nâng cao năng lực phục vụ, vì sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, thời gian qua, công tác kiểm soát thủ tục hành chính, giải quyết thủ tục theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh đã đạt được những kết quả tích cực, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Qua đó góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy chuyển đổi số và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Tuy nhiên, yêu cầu cải cách thủ tục hành chính đặt ra ngày càng cao, nhất là trong việc triển khai phân cấp, ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính; Đồng thời, đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, trí tuệ nhân tạo và khai thác dữ liệu để nâng cao hiệu quả quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương. Do đó, việc bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ, nâng cao năng lực cho đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính của các sở, ngành, địa phương luôn được tỉnh chú trọng.

Tại buổi tập huấn, đội ngũ công chức, viên chức làm nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính được trao đổi với các báo cáo viên nguyên tắc phân quyền, phân cấp, ủy quyền và phân quyền, phân cấp, ủy quyền trong giải quyết thủ tục hành chính; Những yêu cầu bảo đảm việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền, nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm thông suốt tại cấp tỉnh, cấp xã; nghiệp vụ đánh giá tác động thủ tục hành chính trong xây dựng chính sách...

Bên cạnh đó, hội nghị cũng tập trung làm rõ trách nhiệm của địa phương trong triển khai thực hiện các nghị quyết của Chính phủ về phân cấp, phân quyền trong giải quyết thủ tục hành chính; công tác tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo trong cải cách thủ tục hành chính, đáp ứng yêu cầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chuyển đổi số

Theo báo cáo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, năm 2025, Chỉ số SIPAS (chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước) của tỉnh Gia Lai đạt 84,02%, cao hơn giá trị trung bình cả nước là 83,40%; xếp 14/34 tỉnh, thành phố.

Chỉ số SIPAS được đánh giá dựa trên 2 nhóm tiêu chí, gồm: Xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách và Cung ứng dịch vụ hành chính công. Có 5/8 lĩnh vực có chỉ số cao hơn giá trị trung bình cả nước gồm: Công tác chỉ đạo điều hành cải cách hành chính; Cải cách thể chế; Cải cách thủ tục hành chính; Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước; Tác động của cải cách

hành chính đến kinh tế - xã hội. Trong đó, lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính đạt kết quả cao nhất, đạt 99,4%, cao hơn giá trị trung bình cả nước.

Về nhiệm vụ trong thời gian tới, Ủy ban nhân dân tỉnh xác định, trọng tâm cải cách cần chuyển mạnh sang nâng cao chất lượng phục vụ thực chất, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Đồng thời, tăng cường năng lực và trách nhiệm thực thi ở cấp cơ sở; thu hẹp khoảng cách giữa chất lượng thực thi và kết quả cảm nhận của người dân; Thiết lập cơ chế phản hồi hai chiều, bảo đảm người dân được tham gia, được lắng nghe và được đáp ứng kịp thời trong toàn bộ quá trình thiết kế, thực thi chính sách và cung ứng dịch vụ hành chính công.

Nguồn: vietnamnet.vn

LÂM ĐỒNG THÁO GỖ “ĐIỂM NGHẼN”, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP

Sau gần 1 năm vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, Lâm Đồng ghi nhận nhiều chuyển biến tích cực trong cải cách bộ máy. Tuy nhiên, áp lực ở cấp xã cùng những hạn chế về nhân lực, hạ tầng số vẫn cần tiếp tục tháo gỡ.

Bộ máy tinh gọn, chính quyền cơ sở chủ động

Sau khi hợp nhất 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông, tỉnh Lâm Đồng mới có diện tích hơn 24.233 km², dân số trên 3,9 triệu người với 124 đơn vị hành chính cấp xã. Không gian phát triển được mở rộng tạo điều kiện thuận lợi để khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của cả khu vực Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ.

Ngay từ đầu, Lâm Đồng đã xác định việc triển khai mô hình mới không chỉ là sắp xếp lại các đơn vị hành chính mà còn là quá trình đổi mới toàn diện phương thức lãnh đạo, điều hành và phục vụ Nhân dân. Mục tiêu đặt ra là xây dựng bộ máy tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và nâng cao tính chủ động của chính quyền cơ sở.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp xã được kiện toàn nhanh chóng theo quy định mới. Hệ thống tổ chức được sắp xếp theo hướng giảm đầu mối, tăng tính liên thông giữa các lĩnh vực quản lý nhà nước, bảo đảm hoạt động thông suốt ngay từ những ngày đầu vận hành.

Qua gần 1 năm triển khai, hiệu quả của mô hình mới từng bước được khẳng định. Việc giảm tầng nấc trung gian giúp rút ngắn quy trình xử lý công việc, hạn chế tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ và nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị.

Đáng chú ý, quá trình phân cấp, phân quyền đã tạo điều kiện để chính quyền cấp xã chủ động hơn trong giải quyết công việc. Nhiều vấn đề phát sinh được xử lý ngay từ cơ sở, giảm tình trạng chuyển cấp hoặc chờ ý kiến nhiều cấp như trước đây.

Cải cách hành chính và chuyển đổi số cũng ghi nhận những kết quả tích cực. Việc triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số được đẩy mạnh. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến tăng lên, chất lượng cung cấp dịch vụ công cho người dân và doanh nghiệp từng bước được cải thiện.

Theo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, việc sắp xếp tổ chức bộ máy cũng tạo động lực để cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức theo vị trí việc làm. Năng lực quản lý, điều hành và khả năng thích ứng với yêu cầu mới của nhiều cán bộ được nâng lên, góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, chuyên nghiệp hơn.

Nhận diện “điểm nghẽn” tập trung tháo gỡ

Bên cạnh những kết quả bước đầu, quá trình vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp tại Lâm Đồng cũng bộc lộ nhiều khó khăn, thách thức.

Theo Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lâm Đồng Tiêu Hồng Phúc, áp lực lớn nhất hiện nay tập trung ở cấp xã - nơi trực tiếp tiếp nhận và giải quyết phần lớn công việc sau khi kết thúc hoạt động của cấp huyện. Khối lượng nhiệm vụ tăng lên đáng kể trong khi nguồn nhân lực, cơ sở vật chất và các điều kiện bảo đảm chưa được bổ sung tương xứng.

Tại nhiều địa phương, nhất là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bộ máy cơ sở đang phải đảm nhận khối lượng công việc lớn hơn trước. Điều này đặt ra yêu cầu cao hơn đối với năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ cấp xã.

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Hồ Văn Mười thẳng thắn nhận định, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức giữa các địa phương còn chưa đồng đều. Dù phần lớn cán bộ đã chủ động thích ứng với môi trường làm việc mới, vẫn còn một bộ phận hạn chế về trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị, năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và khả năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số.

Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu vẫn là “điểm nghẽn” đáng chú ý. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống chưa thực sự đồng bộ, dữ liệu dùng chung phục vụ quản lý và điều hành còn thiếu.

Nhiều địa phương vẫn gặp khó khăn về hạ tầng kỹ thuật, đường truyền và thiết bị công nghệ, ảnh hưởng đến hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính cũng như cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Theo Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng, một số cơ chế, chính sách hiện hành cũng chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn của mô hình mới. Các quy định về biên chế, chế độ đãi ngộ, phụ cấp đối với cán bộ, công chức cấp xã và việc phân bổ nguồn lực tài chính ở một số nơi chưa thật sự phù hợp với khối lượng nhiệm vụ được giao.

Từ thực tiễn triển khai, tỉnh xác định tiếp tục hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và bảo đảm nguồn lực thực hiện. Đồng thời, chú trọng nâng

cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp xã; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng theo vị trí việc làm và yêu cầu chuyển đổi số.

Một nhiệm vụ trọng tâm khác là đầu tư đồng bộ hạ tầng số, xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông từ tỉnh đến cơ sở, mở rộng dịch vụ công trực tuyến toàn trình và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý, điều hành.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng cho rằng, thực tiễn gần 1 năm vận hành đã cho thấy mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là chủ trương đúng đắn, phù hợp với yêu cầu đổi mới tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả quản trị địa phương.

Tuy nhiên, để mô hình phát huy hiệu quả bền vững, cần tiếp tục tháo gỡ những “điểm nghẽn” về nhân lực, nguồn lực và hạ tầng số, qua đó xây dựng nền hành chính hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và phục vụ người dân ngày càng tốt hơn.

Nguồn: baolamdong.vn

TÂY NINH: HỖ TRỢ ĐẾN 5 TRIỆU ĐỒNG/THÁNG VỚI NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CHUYÊN ĐỔI SỐ, AN TOÀN MẠNG

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định sẽ hỗ trợ người làm công tác chuyên đổi số, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng nhằm phục vụ quá trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Phó Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh Phạm Tấn Hòa thông tin, chuyên đổi số đang trở thành yêu cầu tất yếu, công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng ngày càng giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.

Những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ về chuyên đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng là lực lượng nòng cốt bảo đảm quá trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số được triển khai đồng bộ, hiệu quả, an toàn.

Tuy nhiên, nhiều cơ quan, đơn vị chưa có đủ công chức có chuyên môn phù hợp để làm công tác chuyên trách. Để bảo đảm vận hành thông suốt các hệ thống thông tin, nhiều đơn vị phải bố trí công chức kiêm nhiệm hoặc hợp đồng chuyên môn theo quy định.

Trong khi đó, yêu cầu công việc ngày càng cao, thường xuyên phải cập nhật công nghệ, xử lý sự cố, bảo đảm an toàn dữ liệu và duy trì hoạt động ổn định của các hệ thống phục vụ chỉ đạo, điều hành cũng như phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Do đó, Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định sẽ hỗ trợ người làm công tác chuyên đổi số, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng nhằm góp phần duy trì, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ quá trình xây dựng chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Các đối tượng làm công tác chuyên trách, người được phân công thực hiện nhiệm vụ chuyên trách và người được hợp đồng theo quy định được hỗ trợ 5 triệu đồng/người/tháng; công chức kiêm nhiệm được hỗ trợ 2,5 triệu đồng/người/tháng.

Người làm công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng và an ninh mạng sẽ được hỗ trợ trong vòng 1 năm. Khoản hỗ trợ được chi trả cùng kỳ lương hằng tháng và không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Dự kiến có 138 người thuộc nhóm được hưởng mức hỗ trợ 5 triệu đồng/tháng và 97 người thuộc nhóm được hưởng mức hỗ trợ 2,5 triệu đồng/tháng. Tổng kinh phí thực hiện trên 11 tỷ đồng, được bảo đảm từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Khi tiếp tục bố trí, điều động và tuyển dụng bổ sung nhân lực có chuyên môn về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, số lượng người hưởng chính sách hỗ trợ này sẽ giảm dần trong thời gian tới.

Đối tượng được hỗ trợ gồm công chức đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng nhưng chưa có trình độ chuyên môn phù hợp; người được cấp có thẩm quyền phân công thực hiện vị trí việc làm chuyên trách về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; cán bộ, chiến sỹ Công an tỉnh thực hiện nhiệm vụ thường trực giúp việc cho Ban Chỉ đạo của Ủy ban Nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06; người được hợp đồng theo quy định để đảm nhiệm vị trí việc làm chuyên trách; cùng công chức được phân công kiêm nhiệm công tác chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Nguồn: vietnamplus.vn

ĐỒNG THÁP: 125 CÁN BỘ CẤP TỈNH ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ LÀM PHÓ CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp vừa có Tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả rà soát số lượng Phó Giám đốc vượt quy định; Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc sở, ngành tỉnh để bố trí chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (tăng cường) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Theo đó, nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cấp xã theo đúng chủ trương, định hướng của Trung ương và Tỉnh ủy, Sở Nội vụ đề xuất chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có đủ tiêu chuẩn của Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, gồm: tốt nghiệp đại học trở lên; có trình độ lý luận chính trị cao cấp hoặc cử nhân. Đối tượng là Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ngành tỉnh; Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ngành tỉnh có quy hoạch chức danh cao hơn.

Hiện nay, toàn tỉnh Đồng Tháp có 855 cán bộ là Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc sở, ngành tỉnh. Qua rà soát, đối chiếu với các tiêu chuẩn theo quy định, toàn

tỉnh có 125 cán bộ dự kiến bố trí chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; trong đó, các đơn vị có số cán bộ đủ tiêu chuẩn bố trí chức danh này nhiều nhất là Sở Nông nghiệp và Môi trường với 21 người, Thanh tra tỉnh 16 người, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh 16 người, Sở Tài chính 14 người. Sở Nội vụ tỉnh Đồng Tháp cũng có danh sách, địa chỉ từng cán bộ để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét bố trí về các xã, phường cụ thể.

Sau sáp nhập, tỉnh Đồng Tháp có 102 đơn vị hành chính cấp xã, phường; trong đó có 82 xã và 20 phường. Thực trạng chung của cán bộ, công chức cấp cơ sở tại tỉnh Đồng Tháp là “chỗ thiếu, chỗ thừa”, dẫn đến tình trạng quá tải.

Nguồn:vov.vn

NGUYÊN TẮC “CỦA DÂN, DO DÂN, VÌ DÂN” TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VÀ Ý NGHĨA TRONG XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN THỜI KỲ CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆN NAY

Trong bối cảnh cả nước thực hiện chuyển đổi số, việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước “của dân, do dân, vì dân” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đó là nền tảng chính trị - pháp lý của mô hình xây dựng nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay, định hướng những vấn đề thực tiễn của thời kỳ chuyển đổi số. Định hướng này tiếp tục được khẳng định và phát triển trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, trong đó nhấn mạnh nhiệm vụ hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị quốc gia trên nền tảng chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.

Nguyên tắc “của dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng trong chuyển đổi số hiện nay

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước, nguyên tắc “của dân” giữ vị trí trung tâm. Quyền lực nhà nước phải xuất phát từ Nhân dân và thuộc về Nhân dân. Người khẳng định: “Trong bầu trời không gì quý bằng Nhân dân”⁽¹⁾ và “Dân chủ là của quý báu nhất của Nhân dân”⁽²⁾. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyền lực nhà nước chỉ có ý nghĩa khi do Nhân dân trao, được Nhân dân kiểm soát và phục vụ lợi ích của Nhân dân. Người nhấn mạnh, Nhân dân không chỉ là chủ thể trừu tượng mà giữ vai trò thực tế trong thiết lập quyền lực nhà nước. Điều này thể hiện qua quyền bầu cử, ứng cử: “Hễ là những người muốn lo việc nước thì đều có quyền ra ứng cử; hễ là công dân thì đều có quyền đi bầu cử”⁽³⁾. Người coi quyền tham gia và quyền kiểm tra của Nhân dân là cơ chế căn bản để bảo đảm bản chất dân chủ của Nhà nước: “Nhân dân có quyền đôn đốc và phê bình Chính phủ. Chính phủ thì việc to việc nhỏ đều nhằm mục đích phục vụ lợi ích của Nhân dân”⁽⁴⁾.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà nước “của dân” gắn liền với minh bạch và trách nhiệm giải trình, bởi khi Nhân dân là chủ, thì mọi hoạt động của Nhà nước phải đặt dưới sự giám sát của Nhân dân. Người kiên quyết phê phán căn bệnh quan liêu, xa dân, coi đó là sự xa rời bản chất “của dân”: “Những căn bệnh hủ hóa, tư túi, chia rẽ, kiêu ngạo... đều bắt nguồn từ chúng bệnh xa dân, khinh dân”⁽⁵⁾. Như vậy, “của dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện ở ba nội dung cốt lõi: Khẳng định chủ quyền tuyệt đối của Nhân dân; bảo đảm cơ chế để người dân tham gia quyết định và kiểm soát quyền lực; yêu cầu minh bạch và chống mọi biểu hiện lạm quyền.

Hiện nay, ở Việt Nam, chuyển đổi số đang tạo ra điều kiện để thực hiện đầy đủ hơn nguyên tắc “của dân” theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” và Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị “về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia” đều xác định

rõ mục tiêu: Lấy người dân làm trung tâm, nâng cao quyền làm chủ thông qua công nghệ số. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng tiếp tục khẳng định: “Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân... bảo đảm và bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân”⁽⁶⁾. Thực hiện đúng nguyên tắc “của dân” theo tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng chính quyền thời kỳ chuyển đổi số cần quán triệt các yêu cầu sau:

Thứ nhất, chuyển đổi số phải gắn với việc mở rộng quyền được biết của Nhân dân. Các cơ quan nhà nước phải công khai quy hoạch, ngân sách, thủ tục, tiến độ giải quyết hồ sơ trên môi trường số. Hệ thống dữ liệu mở và các cơ sở dữ liệu quốc gia phải hướng tới giúp người dân tiếp cận thông tin nhanh và minh bạch hơn.

Thứ hai, chuyển đổi số phải hướng tới mở rộng không gian để dân được bàn và tham gia vào các chính sách phát triển. Các dự thảo luật, nghị định được đưa lên cổng thông tin điện tử góp ý trực tuyến; phản ánh, kiến nghị của Nhân dân được tiếp nhận qua ứng dụng số. Văn kiện Đại hội XIII nhấn mạnh “đổi mới phương thức vận hành của Nhà nước theo hướng hoàn thiện thể chế, phát huy dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân”⁽⁷⁾.

Thứ ba, chuyển đổi số phải hướng tới tăng cường khả năng để dân kiểm tra các hoạt động của bộ máy nhà nước. Hệ thống phản ánh hiện trường, cơ chế đánh giá dịch vụ công trực tuyến và lưu vết hồ sơ điện tử giúp Nhân dân giám sát minh bạch hơn, hiệu quả hơn.

Thứ tư, chuyển đổi số phải hướng tới tạo nền tảng để mở rộng quyền làm chủ của Nhân dân theo hướng bình đẳng. Khi dịch vụ công trực tuyến được triển khai trên phạm vi rộng, mọi công dân đều có khả năng tiếp cận thông tin và dịch vụ trên cơ sở công bằng; đây là sự song song giữa yêu cầu “của dân” và yêu cầu hiện đại hóa quản trị quốc gia.

Nguyên tắc “do dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự hiện thực hóa trong chuyển đổi số hiện nay

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, nguyên tắc “do dân” khẳng định Nhà nước do Nhân dân lập nên, dựa vào dân mà hoạt động và chịu sự giám sát của dân. Người nhấn mạnh: “Tổng tuyển cử là một dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà”⁽⁸⁾. Tư tưởng này cho thấy rằng bộ máy nhà nước chỉ tồn tại hợp pháp khi được Nhân dân trao quyền thông qua các hình thức dân chủ trực tiếp và dân chủ gián tiếp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh coi Nhân dân là lực lượng quyết định trong mọi quá trình quản lý nhà nước. Người viết: “Dễ mười lần không dân cũng chịu, Khó trăm lần dân liệu cũng xong”⁽⁹⁾, nhấn mạnh rằng mọi công việc của Đảng, Nhà nước chỉ thành công khi có sự tham gia chủ động của Nhân dân. Đây chính là nền tảng của Nhà nước “do dân”: Quyền lực được hình thành từ dân, chính sách được xây dựng dựa trên ý chí và nguyện vọng của dân. Cùng với đó, Người yêu cầu Nhà nước phải dựa vào dân để quản lý, phải lắng nghe dân, hỏi ý dân trước khi ban hành chính sách. Người chỉ rõ: “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ, mà Chính phủ là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Chính phủ chỉ có một mục đích là: Hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân”⁽¹⁰⁾. Điều này đòi hỏi Nhà

nước phải vận hành trên cơ sở Nhân dân ủy quyền và phải thể hiện sự ủy quyền đó bằng hiệu quả phục vụ.

Một nội dung quan trọng khác trong tư tưởng “do dân” là yêu cầu Nhân dân tham gia xây dựng bộ máy nhà nước, không chỉ qua bầu cử mà còn qua giám sát cán bộ, đánh giá đạo đức công vụ, phát hiện sai phạm. Các biểu hiện “vác mặt làm quan cách mạng”⁽¹¹⁾, hủ hóa, xa dân đều bị Người phê phán gay gắt và coi đó là nguyên nhân dẫn đến sự suy thoái quyền lực, đi ngược lại bản chất “do dân” của nhà nước cách mạng. Như vậy, nguyên tắc “do dân” mang ba nội hàm quan trọng: Nhà nước do Nhân dân tổ chức và lựa chọn; hoạt động của Nhà nước phải dựa vào dân, lắng nghe dân; Nhân dân tham gia tích cực vào vận hành, giám sát và kiểm soát quyền lực nhà nước.

Những tư tưởng này tiếp tục được Đảng ta khẳng định trong Văn kiện Đại hội XIII với yêu cầu “cơ chế phát huy vai trò của nhân dân tham gia xây dựng Đảng, hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh trong tình hình mới”⁽¹²⁾. Đại hội XIV tiếp tục nhấn mạnh yêu cầu “phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của Nhân dân; tăng cường kiểm soát quyền lực...”. Đây là cơ sở chính trị quan trọng để hiện thực hóa nguyên tắc “do dân” trong điều kiện chuyển đổi số và quản trị hiện đại. Điều này cho thấy nguyên tắc “của dân” được đặt trong yêu cầu xây dựng nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Trong bối cảnh chuyển đổi số, nguyên tắc “do dân” được mở rộng theo hướng hiện đại hóa phương thức tham gia của Nhân dân vào quản trị nhà nước. Theo đó cần quán triệt các yêu cầu:

Thứ nhất, chuyển đổi số phải hướng tới củng cố cơ chế Nhân dân tham gia vận hành Nhà nước. Nhân dân tham gia đánh giá chất lượng phục vụ của cán bộ, phản ánh những khó khăn về hồ sơ, quy trình.

Thứ hai, chuyển đổi số phải mở rộng cơ chế để Nhân dân trực tiếp tham gia xây dựng và hoàn thiện chính sách thông qua phân tích dữ liệu, phản hồi trên các nền tảng số, khảo sát số. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030, xác định: Phải “tăng cường sự tham gia của Nhân dân trong giám sát công vụ thông qua nền tảng số”. Điều này cho thấy sự tiếp nối trực tiếp tư tưởng Hồ Chí Minh về kiểm soát quyền lực nhà nước bằng sức mạnh của Nhân dân: “Việc gì cũng phải hỏi ý kiến dân chúng, cùng dân chúng bàn bạc, và giải thích cho dân chúng”⁽¹³⁾.

Thứ ba, sự thành công của chuyển đổi số phụ thuộc vào mức độ người dân chấp nhận, sử dụng và tương tác với dịch vụ công trực tuyến. Đây chính là hình thức hiện đại của tư tưởng “do dân mà thành”: hạ tầng số, dữ liệu số và chính phủ số chỉ hiệu quả khi có sự tham gia chủ động của người dân - những người vừa là chủ thể dữ liệu vừa là người đánh giá chất lượng dịch vụ.

Như vậy, chuyển đổi số không chỉ là một tiến trình kỹ thuật, mà còn là một hình thức vận động mới của dân chủ, nơi Nhân dân tham gia mạnh mẽ hơn vào việc xây dựng, vận hành và giám sát Nhà nước, đúng tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là bước phát triển tất yếu

của nguyên tắc “do dân”, bảo đảm cho mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa vừa ổn định về bản chất, vừa năng động trong điều kiện mới.

Nguyên tắc “vì dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh và sự cụ thể hóa trong quá trình chuyển đổi số phục vụ Nhân dân

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và quản trị quốc gia, nguyên tắc “vì dân” là biểu hiện tập trung nhất của bản chất Nhân dân của nhà nước cách mạng. Người đã khẳng định rõ phương châm hành động của Nhà nước: “Việc gì có lợi cho dân, ta phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân, ta phải hết sức tránh”⁽¹⁴⁾. Tư tưởng này xác lập tiêu chuẩn đạo đức - chính trị cho đội ngũ cán bộ, buộc họ phải toàn tâm, toàn ý phục vụ Nhân dân. Theo Người, cán bộ nhà nước dù giữ cương vị nào cũng phải “thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư”⁽¹⁵⁾, bởi phẩm chất đạo đức của cán bộ gắn trực tiếp với niềm tin của Nhân dân và uy tín của Nhà nước. Điểm nổi bật khác trong tư tưởng “vì dân” của Hồ Chí Minh là yêu cầu tôn trọng Nhân dân và gắn bó với Nhân dân. Người kiên quyết phê phán các hành vi quan liêu, cửa quyền, hách dịch, coi đó là biểu hiện của sự “xa rời dân”, làm tổn hại phẩm chất “công bộc của dân” của người cán bộ. Người yêu cầu các biểu hiện hủ hóa, tư túi, cục bộ, kiêu ngạo đều bắt nguồn từ việc “khinh dân, xa dân”, và do đó “dân không yêu, dân không tin” thì “việc gì cũng không làm được”.

Nguyên tắc “vì dân” cũng thể hiện qua yêu cầu xây dựng một hệ thống pháp luật dân chủ, trong đó “Phép luật là phép luật của nhân dân, dùng để ngăn cản những hành động có hại cho nhân dân, để bảo vệ lợi ích chung của đại đa số nhân dân”⁽¹⁶⁾. Nhà nước phải quản lý xã hội bằng pháp luật nhưng pháp luật ấy phải phản ánh lợi ích và nguyện vọng của Nhân dân, phù hợp với mục tiêu phụng sự Nhân dân. Đây chính là sự kết hợp giữa tính pháp quyền và tính Nhân dân trong tư tưởng của Người. Như vậy, nguyên tắc “vì dân” trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện qua: Coi lợi ích Nhân dân là mục tiêu tối thượng của nhà nước; yêu cầu cán bộ phải tận tụy phục vụ Nhân dân với phẩm chất đạo đức trong sạch; xây dựng hệ thống pháp luật để bảo vệ đa số Nhân dân; phê phán mạnh mẽ mọi hiện tượng gây tổn hại đến đời sống và niềm tin của Nhân dân.

Trong bối cảnh chuyển đổi số quốc gia, nguyên tắc “vì dân” được cụ thể hóa bằng những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, giảm chi phí xã hội, mở rộng cơ hội tiếp cận dịch vụ công và thúc đẩy công bằng trong thụ hưởng chính sách. Chiến lược phát triển Chính phủ số khẳng định yêu cầu xây dựng nền hành chính “liêm chính, hành động, phục vụ”. Nghị quyết Đại hội XIV xác định rõ: “Mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải thực sự xuất phát từ nhu cầu, nguyện vọng, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; lấy... hạnh phúc và sự hài lòng của Nhân dân làm thước đo và mục tiêu phấn đấu”⁽¹⁷⁾. Đây là sự cụ thể hóa sâu sắc nguyên tắc “vì dân” trong giai đoạn phát triển mới. Muốn vậy cần thực hiện tốt các yêu cầu:

Thứ nhất, chuyển đổi số phải hướng tới nâng cao hiệu quả phục vụ Nhân dân thông qua dịch vụ công trực tuyến, cơ chế “một cửa, số hóa” và các hệ thống quản lý dựa trên dữ liệu. Việc số hóa thủ tục hành chính giúp giảm thời gian, chi phí và hạn chế tiếp xúc trực tiếp - một trong những nguyên nhân gây những phiền nhiễu.

Thứ hai, chuyển đổi số phải hướng tới góp phần tăng tính minh bạch và giảm tham nhũng, tạo điều kiện để người dân được bảo vệ khỏi các hành vi tiêu cực. Hệ thống lưu vết điện tử, công khai tiến độ hồ sơ và minh bạch các quy trình nội bộ giúp hạn chế khả năng can thiệp tùy tiện của cán bộ. Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII và khóa XIII đều nhấn mạnh yêu cầu “xây dựng đội ngũ cán bộ liêm chính, không tham nhũng”, và chuyển đổi số là một công cụ hữu hiệu để thực hiện điều này.

Thứ ba, chuyển đổi số phải hướng tới mở rộng cơ hội thụ hưởng công bằng đối với dịch vụ công cho mọi nhóm dân cư. Văn kiện Đại hội XIII đề cao yêu cầu “không để ai bị bỏ lại phía sau trong quá trình phát triển”. Khi dịch vụ công trực tuyến được triển khai rộng khắp, người dân ở vùng sâu, vùng xa, người khuyết tật hay người lớn tuổi được hỗ trợ tiếp cận thông tin và dịch vụ một cách bình đẳng hơn. Đây là sự mở rộng hiện đại của tư tưởng “vì dân” - chăm lo mọi tầng lớp Nhân dân.

Thứ tư, chuyển đổi số tạo điều kiện để phúc lợi xã hội được quản lý và cung cấp hiệu quả hơn. Dữ liệu số liên thông giữa các ngành như y tế, bảo hiểm, lao động - xã hội cho phép Nhà nước nhận diện chính xác đối tượng thụ hưởng, giám trùng lặp, thất thoát và nâng cao hiệu quả chi tiêu công. Cùng với đó, chuyển đổi số thúc đẩy văn hóa, đạo đức công vụ phục vụ Nhân dân, đòi hỏi cán bộ phải có kỹ năng số, đạo đức số và thái độ tôn trọng Nhân dân trong môi trường trực tuyến.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước “của dân, do dân, vì dân” tiếp tục giữ vai trò định hướng nền tảng cho quá trình hiện đại hóa quản trị quốc gia. Việc gắn kết các giá trị đó với chuyển đổi số không chỉ làm sâu sắc thêm bản chất Nhân dân của Nhà nước, mà còn mở ra những phương thức mới để bảo đảm quyền làm chủ và nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân. Qua đó, tư tưởng của Người chứng tỏ sức sống bền vững và khả năng thích ứng mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

Thượng tá, Tiến sĩ Vũ Hồng Hà - Học viện Hậu cần, Bộ Quốc phòng

Nguồn: tcnnld.vn

Ghi chú:

- (1) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.453.
- (2) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 10, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.457.
- (3) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.153.
- (4) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.90.
- (5) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.368.
- (6) https://xaydungchinhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206221643667.htm?utm_source
- (7) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, tr.100.

(8) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.153.

(9) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 15, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.280.

(10) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, Lời giới thiệu.

(11) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.116.

(12) Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tập I, tr.191.

(13) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 5, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.335.

(14) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, Lời giới thiệu XXVII.

(15) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 1, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, Lời giới thiệu XIV.

(16) Hồ Chí Minh, toàn tập, tập 9, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội 2011, tr.259.

(17) https://xaydungchinh sach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-toan-quoc-lan-thu-xiv-cua-dang-119260206221643667.htm?utm_source

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP: RÚT NGẮN QUY TRÌNH, KIẾN TẠO PHÁT TRIỂN TỪ CƠ SỞ

Sáng ngày 17/6/2026, tại Hà Nội, Hội đồng Lý luận Trung ương phối hợp cùng Thành ủy Hà Nội và Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp” theo hình thức trực tiếp và trực tuyến.

Tại hội thảo, các đại biểu đã đánh giá về chặng đường 1 năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Kết quả thực tiễn cho thấy việc xóa bỏ cấp trung gian đã mang lại những đột phá mạnh mẽ, đưa chính quyền đến sát người dân, song cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao năng lực thực thi và phân cấp trao quyền gắn liền với nguồn lực.

Phát biểu khai mạc, ông Nguyễn Văn Phong, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội, nhấn mạnh hội thảo là dịp quan trọng để đánh giá thực tiễn, nhận diện đúng những khó khăn, vướng mắc và đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình.

Nhìn từ góc độ địa phương, việc chuyển đổi không chỉ là nhiệm vụ sắp xếp tổ chức bộ máy mà còn là cơ hội để đổi mới phương thức quản trị theo hướng hiện đại, văn minh, nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

Trong phát biểu đề dẫn, Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương đánh giá đây là cuộc cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương có quy mô lớn nhất trong lịch sử Việt Nam hiện đại và là một quyết định lịch sử đúng đắn của Đảng.

Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Xuân Thắng chỉ rõ sự thay đổi lớn nhất nằm ở vị thế của cấp cơ sở khi cấp xã đang chuyển từ vị trí “cuối tuyến hành chính” sang “tuyến đầu quản trị và phục vụ.”

Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương nhấn mạnh cải cách tổ chức mới là điều kiện cần, còn nâng cao năng lực thực thi mới là điều kiện đủ. Trọng tâm hiện nay không chỉ là sắp xếp đúng mà còn phải vận hành tốt; không chỉ là giao quyền mà còn phải bảo đảm đủ năng lực, đủ nguồn lực, đủ công cụ và đủ cơ chế kiểm soát để quyền lực được thực thi hiệu quả.

Từ thực tiễn sinh động ở các địa phương, Thứ trưởng Bộ Nội vụ Vũ Chiến Thắng nhận định việc xóa bỏ cấp huyện đã giúp giảm tầng nấc trung gian, rút ngắn quy trình xử lý công việc và thúc đẩy chuyển mạnh từ tư duy quản lý hành chính sang tư duy phục vụ và kiến tạo phát triển.

Năng lực thực thi công vụ mới này được minh chứng rõ nét qua các câu chuyện được các địa phương chia sẻ tại hội thảo.

Ông Nguyễn Thanh Liêm, Bí thư Đảng ủy xã Quang Minh (Hà Nội) cho biết địa phương đã vươn lên trực tiếp giải quyết xong những vướng mắc về đất dịch vụ tồn đọng gần 20 năm, quản lý khối lượng đầu tư công gần 2.000 tỷ đồng. Đặc biệt, đây là đơn vị cấp xã đầu tiên

trong cả nước tổ chức đấu thầu thành công khu đô thị quy mô lớn lên tới 205ha với tổng mức đầu tư gần 15.000 tỷ đồng.

Mang đến một góc nhìn quản trị tiếp cận xu hướng hiện đại, ông Nguyễn Anh Tuấn, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Bình Mỹ (Thành phố Hồ Chí Minh), nhấn mạnh chính quyền cơ sở hiện nay không chỉ làm nhiệm vụ quản lý hành chính đơn thuần mà phải là “chủ thể kiến tạo phát triển.” Xã Bình Mỹ đang áp dụng triết lý “đồng kiến tạo” giữa chính quyền, doanh nghiệp, chuyên gia và cộng đồng dân cư, dựa trên nền tảng dữ liệu số GIS, hướng tới kinh tế cộng đồng và chuyển đổi xanh.

Sự chuyên mình của bộ máy còn mang lại hiệu quả phục vụ nhân dân vượt trội, tiêu biểu như tại Quảng Ninh. Bà Nguyễn Thị Hạnh, Trưởng ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy Quảng Ninh chia sẻ, địa phương đã cắt giảm trung bình 50% thời gian làm thủ tục hành chính, đưa tỷ lệ người dân hài lòng lên mức rất cao - đạt trên 99%. Mặc dù đạt được những thành tựu mang tính đột phá, các ý kiến phát biểu tại hội thảo cũng thẳng thắn phân tích những điểm nghẽn, đặc biệt là sự thiếu đồng bộ giữa nhiệm vụ được giao và điều kiện thực thi.

Ông Võ Sĩ Mạnh, Phó Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu, Đào tạo nghiệp vụ (Ủy ban Kiểm tra Trung ương) cho rằng, phân cấp, phân quyền phải gắn với nguyên tắc triệt để: địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm. Ông nhấn mạnh việc trao quyền cho chính quyền cơ sở phải đi đôi với cấp nguồn lực, nâng cao trách nhiệm giải trình và kiểm soát chặt chẽ quyền lực thông qua công nghệ số, cơ sở dữ liệu liên thông.

Đồng tình với quan điểm này, ông Phạm Thành Kiên, Trưởng ban Tổ chức Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định phân cấp, phân quyền là điều kiện quyết định, nhưng sự chênh lệch lớn về dân số và khối lượng công việc giữa các địa bàn đang tạo áp lực không đồng đều. Điều này đòi hỏi phải có cơ chế phân bổ nhân lực và tài chính tương xứng với đặc thù thực tế của từng địa phương.

Kết luận hội thảo, Phó Giáo sư, Tiến sỹ Đoàn Minh Huân, Ủy viên Bộ Chính trị, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương khẳng định giá trị to lớn của mô hình chính quyền địa phương hai cấp nằm ở tính hiện đại, tính hiệu lực, hiệu quả, tính dân chủ, gần dân và phục vụ nhân dân.

Để mô hình phát huy tối đa tiềm năng trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc, ông Đoàn Minh Huân cho rằng yêu cầu then chốt trong chặng đường tới là tiếp tục hoàn thiện thể chế. Trong đó, việc trao quyền dứt khoát phải đi đôi với trao nguồn lực, công cụ quản trị và điều kiện thực thi; phân cấp phân quyền phải song hành cùng kiểm tra giám sát; chuyển đổi dứt điểm từ quản lý hành chính sang quản trị phát triển dựa trên hệ thống dữ liệu.

Phó Chủ tịch Thường trực Hội đồng Lý luận Trung ương Đoàn Minh Huân cho biết, những tri thức khoa học và đúc kết thực tiễn quý báu từ hội thảo sẽ được chắt lọc, hệ thống hóa thành báo cáo tư vấn trình Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Chỉ đạo Trung ương về sơ kết 1 năm vận hành bộ máy của hệ thống chính trị và chính quyền địa phương 2 cấp, nhất là các đề xuất kiến nghị, tiếp tục hoàn thiện thể chế, hoàn thiện

mô hình, xử lý các điểm nghẽn, tăng cường các điều kiện, nâng cao năng lực quản trị địa phương trong giai đoạn mới.

Nguồn: nhandan.vn

CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP: VƯỢT QUA “CÚ SỐC CHUYỂN ĐỔI” ĐỂ VƯỜN XA

Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp là một chủ trương lớn, đánh dấu bước chuyển quan trọng trong tư duy quản trị quốc gia, hướng tới bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả và gần dân hơn.

Trong giai đoạn đầu vận hành, nhiều địa phương không tránh khỏi những băn khoăn, áp lực và thách thức khi thực hiện những thay đổi chưa từng có. Tuy nhiên, thực tiễn sau gần một năm triển khai đã ghi nhận những chuyển biến tích cực, rõ nét trong cải cách hành chính, phân cấp, phân quyền và nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng, giảng viên cao cấp Viện Thương mại và Kinh tế quốc tế (Đại học Kinh tế Quốc dân), đã trao đổi với VietNamNet về mô hình chính quyền địa phương 2 cấp sau một năm vận hành.

Phóng viên: Sau thời gian triển khai mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, ông đánh giá như thế nào về hiệu quả của chủ trương này?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Qua quan sát cũng như trải nghiệm thực tế khi giải quyết một số thủ tục hành chính gần đây, tôi thấy số đầu mối xử lý công việc đã được thu gọn hơn trước. Người dân không còn phải đi qua quá nhiều cấp trung gian.

Đây là chủ trương đúng, phù hợp với xu hướng cải cách hành chính hiện đại, hướng tới tăng cường vai trò của chính quyền cơ sở và đưa bộ máy đến gần dân hơn.

Việc cắt giảm các khâu trung gian giúp tiết kiệm thời gian, chi phí xã hội, đồng thời rút ngắn khoảng cách giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp.

Phóng viên: Nhiều địa phương phản ánh khối lượng công việc tăng trong khi biên chế giảm. Đây có phải là thách thức lớn hiện nay?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Đây là khó khăn có thật và đang diễn ra ở nhiều nơi. Khi xây dựng mô hình chính quyền 2 cấp, chúng ta đặt nhiều kỳ vọng vào chuyển đổi số và xử lý công việc trên môi trường trực tuyến. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều hệ thống số chưa vận hành hiệu quả như mong muốn. Không ít thủ tục vẫn phải xử lý theo phương thức kết hợp giữa trực tuyến và hồ sơ giấy.

Vì vậy, dù số lượng cán bộ giảm nhưng khối lượng công việc lại tăng. Trong khi đó, cách thức làm việc ở nhiều nơi chưa thay đổi tương xứng với yêu cầu mới.

Tinh gọn bộ máy phải đi kèm với nâng cao năng suất lao động thông qua đổi mới quy trình, ứng dụng công nghệ và tổ chức công việc khoa học hơn. Nếu vẫn duy trì phương thức làm việc cũ thì tình trạng quá tải là điều khó tránh khỏi.

Phóng viên: Một số ý kiến cho rằng áp lực công việc còn đến từ việc nhiều người dân chưa quen với các nền tảng số. Ông nhìn nhận thế nào?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Đây là thực tế cần được nhìn nhận khách quan. Chúng ta không thể mặc định tất cả người dân đều có khả năng sử dụng công nghệ như nhau.

Có người rất thành thạo điện thoại thông minh và các ứng dụng số, nhưng cũng có nhiều người chưa quen với môi trường trực tuyến. Khi người dân chưa thành thạo, cán bộ phải dành nhiều thời gian hướng dẫn, thậm chí có trường hợp việc hướng dẫn còn mất nhiều thời gian hơn xử lý hồ sơ.

Bên cạnh đó, nhiều thuật ngữ công nghệ hay chuyên ngành còn khá xa lạ. Nếu không được diễn giải đơn giản, dễ hiểu thì người dân sẽ gặp khó khăn khi tiếp cận dịch vụ công trực tuyến. Vì vậy, chuyển đổi số không chỉ là đầu tư công nghệ mà còn phải đầu tư cho đào tạo kỹ năng số đối với cả cán bộ và người dân.

Phóng viên: Hiện có ý kiến cho rằng đội ngũ cán bộ cơ sở đang trong tình trạng “vừa thừa vừa thiếu”. Theo ông, thực trạng này tác động như thế nào đến hiệu quả vận hành của mô hình chính quyền 2 cấp?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Tôi cho rằng nhận định này có cơ sở. Không phải địa phương nào cũng thiếu người, nhưng nhiều nơi lại thiếu cán bộ có chuyên môn phù hợp hoặc kinh nghiệm thực tiễn. Sau quá trình sắp xếp bộ máy, nhiều cán bộ được điều chuyển sang lĩnh vực mới, trong khi việc chuyển giao công việc và kinh nghiệm chưa thật sự bài bản.

Người mới tiếp nhận nhiệm vụ cần thời gian để làm quen với địa bàn, hồ sơ và đặc thù quản lý. Những lĩnh vực như đất đai, hộ tịch hay quản lý dân cư đòi hỏi kinh nghiệm tích lũy trong thời gian dài, không thể kỳ vọng cán bộ mới nhận nhiệm vụ có thể xử lý thành thạo ngay. Theo tôi, đây là “cú sốc chuyển đổi” trong giai đoạn đầu. Khi bộ máy vận hành ổn định hơn, những bất cập này sẽ dần được khắc phục.

Phóng viên: Cũng có nhìn nhận cho rằng một bộ phận cán bộ vẫn có tâm lý né tránh hoặc sợ trách nhiệm. Theo ông, nguyên nhân xuất phát từ đâu?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Nguyên nhân lớn nhất nằm ở hệ thống quy định và quy trình thực thi. Trong thực tế có nhiều tình huống phức tạp. Nếu xử lý hoàn toàn máy móc theo quy định thì đôi khi chưa phù hợp với thực tiễn, nhưng nếu linh hoạt quá mức, cán bộ lại lo ngại rủi ro pháp lý.

Nhiều văn bản hiện nay chưa có hướng dẫn đủ cụ thể cho các tình huống phát sinh. Do đó, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật và xây dựng cơ chế hướng dẫn rõ ràng hơn để cán bộ yên tâm thực thi nhiệm vụ.

Phóng viên: Theo ông, đâu là những điểm nghẽn cần ưu tiên tháo gỡ trong quá trình chuyển đổi số hiện nay?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Điểm nghẽn lớn nhất là hạ tầng và năng lực số. Điều quan trọng trước hết là phải đánh giá đúng thực trạng chuyển đổi số ở từng địa phương. Không phải cứ sử dụng điện thoại thông minh là đã trở thành công dân số. Chúng ta cần biết rõ từng địa phương đang ở đâu, còn thiếu gì và cần hỗ trợ như thế nào.

Bên cạnh đó, cần đầu tư đồng bộ hơn cho hạ tầng số, xây dựng các nền tảng số toàn trình và tăng cường đào tạo kỹ năng số cho cả cán bộ lẫn người dân. Đồng thời, nên có các trung tâm hỗ trợ hoặc hệ thống tư vấn trực tuyến chính thức để giải đáp kịp thời những vướng mắc phát sinh.

Phóng viên: Theo ông, cần làm gì để mô hình chính quyền địa phương 2 cấp phát huy hiệu quả cao hơn trong thời gian tới?

PGS.TS Nguyễn Thường Lạng: Trước hết phải hoàn thiện các nền tảng số theo hướng toàn trình, bảo đảm toàn bộ quy trình xử lý công việc được số hóa đồng bộ thay vì tình trạng nửa trực tuyến, nửa thủ công như hiện nay.

Thứ hai là tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, không chỉ về công nghệ mà còn về chuyên môn và kỹ năng phục vụ người dân.

Quan trọng hơn, chúng ta cần xây dựng được văn hóa số trong bộ máy hành chính. Văn hóa số không chỉ là sử dụng công nghệ mà còn là tư duy phục vụ, tinh thần lắng nghe và sẵn sàng tiếp thu phản hồi từ người dân.

Tôi tin rằng những khó khăn hiện nay chủ yếu là thách thức của giai đoạn chuyển tiếp. Nếu tiếp tục hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực cán bộ và đẩy mạnh chuyển đổi số, mô hình chính quyền địa phương hai cấp sẽ phát huy hiệu quả rõ nét hơn trong thời gian tới.

Nguồn: vietnamnet.vn

MỘT NĂM VẬN HÀNH CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 2 CẤP: ĐẶT CÁN BỘ CẤP CƠ SỞ ĐÚNG VỊ TRÍ, GIAO QUYỀN GẮN VỚI KPI

Sau một năm vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp, kết quả thực tiễn cho thấy việc xóa bỏ cấp trung gian đã mang lại những đột phá mạnh mẽ, đưa chính quyền đến sát với người dân. Song mô hình này cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết về việc nâng cao năng lực thực thi, năng lực cán bộ cấp cơ sở cũng như phân cấp trao quyền gắn liền với nguồn lực.

Trong đó, một vấn đề lớn được nhận định là tuyến cơ sở đang phải đối mặt với áp lực công việc khổng lồ trong khi nguồn nhân lực lại hữu hạn. Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái, giảng viên bộ môn Quản lý công, Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, đã có trao đổi với báo Pháp luật Thành phố Hồ Chí Minh về vấn đề này.

Chuẩn hóa năng lực thực thi

Phóng viên: Sau một năm thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp, khối lượng công việc của phường, xã tăng lên trong khi biên chế thu hẹp khiến bộ máy cơ sở quá tải. Từ góc độ quản trị công, theo ông, đâu là nguyên nhân cốt lõi của thực trạng này?

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Đây là mâu thuẫn có tính cấu trúc. Khi xóa bỏ cấp huyện, gần 74% nhiệm vụ vốn thuộc cấp huyện được chuyển xuống phường, xã trong khi biên chế được thiết kế theo logic hành chính cũ, chưa tái cân chỉnh kịp với quy mô nhiệm vụ mới. Có thể nói thẳng rằng chúng ta đã tái cơ cấu bộ máy nhanh hơn tái cơ cấu nguồn nhân lực.

Nguyên nhân cốt lõi có ba tầng. Thứ nhất, thiết kế biên chế chưa gắn với định lượng khối lượng công việc thực tế. Đây là lỗ hổng phương pháp luận trong xây dựng tổ chức bộ máy. Thứ hai, nhiều địa phương tiếp nhận nhiệm vụ mới nhưng thiếu quy trình vận hành chuẩn, khiến cán bộ vừa học vừa làm trong điều kiện áp lực cao. Thứ ba, hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ vốn là trụ cột thứ ba giảm tải chưa được kết nối liên thông đủ để thay thế sức người.

Hệ quả nhìn thấy rõ nhất là hiện tượng “nghẽn cửa”, hồ sơ tồn đọng, thời hạn giải quyết bị kéo dài và áp lực dồn lên nhóm cán bộ có năng lực là những người thường chịu tải nhiều nhất nhưng đãi ngộ chưa thực sự tương xứng.

Phóng viên: Trước thực trạng trên, việc chuẩn hóa năng lực cán bộ cấp xã đóng vai trò then chốt thế nào?

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Chuẩn hóa năng lực lúc này không còn là câu chuyện bằng cấp, mà là câu chuyện năng lực thực thi. Bằng cấp chứng minh đầu vào nhưng năng lực thực thi mới quyết định đầu ra, điều đó ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống người dân mỗi ngày.

Trong mô hình chính quyền địa phương hai cấp, phường, xã trở thành điểm tiếp xúc hành chính trực tiếp duy nhất của người dân với nhà nước. Một cán bộ hạn chế năng lực không chỉ làm chậm hồ sơ mà họ có thể làm vỡ lòng tin vào toàn bộ hệ thống cải cách. Vì vậy, chuẩn hóa năng lực không chỉ là vấn đề nhân sự, mà là vấn đề tính chính danh của cải cách.

Điều then chốt là phải xác định rõ khung năng lực theo từng vị trí việc làm cụ thể, không phải khung chung chung rồi từ đó thiết kế lộ trình đào tạo, đánh giá và luân chuyển. Chuẩn hóa mà không có khung năng lực cụ thể thì chỉ là chuẩn hóa hình thức.

Đặt cán bộ đúng vị trí

Phóng viên: Câu chuyện chuẩn hóa để giải quyết khối lượng công việc lớn liên quan mật thiết đến vị trí việc làm.

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Quy định về vị trí việc làm đã được ban hành nhưng để vận hành hiệu quả cần ít nhất ba điều kiện đồng bộ. Ba điều kiện này gồm bản mô tả công việc chi tiết, hệ thống đánh giá hiệu suất gắn với vị trí và quyết tâm chính trị của người đứng đầu khi bố trí nhân sự.

Trên thực tế, nhiều địa phương vẫn bố trí cán bộ theo quen biết, theo quan hệ tổ chức nội bộ hoặc đơn giản theo “ai sẵn có” chứ không theo yêu cầu vị trí. Khi người không đúng năng

lực ngồi vào vị trí đòi hỏi chuyên môn cao, năng suất hệ thống sẽ sụt giảm dù có trải qua các lớp tập huấn hay quy trình rõ ràng.

Tôi cho rằng điểm nghẽn sâu hơn còn nằm ở tâm lý “an toàn vị trí”. Khi đánh giá năng lực thực chất đồng nghĩa với nguy cơ bị điều chuyển, không ít cán bộ và lãnh đạo địa phương có xu hướng đôi phỏ hơn là thực chất. Phá được vòng xoáy đó mới thực sự giải phóng được vị trí việc làm.

Phóng viên: *Việc tăng biên chế là rất khó. Vậy với số lượng nhân sự hiện có, các địa phương phải giải bài toán năng suất thế nào để đáp ứng khối lượng công việc khổng lồ?*

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Tăng biên chế không phải lối thoát và tôi cho rằng đó không phải giải pháp chính, ngay cả khi có thể. Vấn đề không phải số người mà là năng suất trên mỗi biên chế. Nếu cán bộ được đặt đúng vị trí, được trao đủ công cụ và có đủ động lực thì năng suất có thể tăng gấp đôi mà không cần thêm người.

Bài toán năng suất trong khu vực công có ba đòn bẩy chính. Đòn bẩy thứ nhất là phân công đúng - tức đưa người đúng năng lực vào đúng vị trí, không để cán bộ giỏi làm việc vất vả và cán bộ yếu gánh việc phức tạp. Đòn bẩy thứ hai là tự động hóa quy trình - tức những công việc có thể số hóa thì phải số hóa triệt để, giải phóng con người cho công việc đòi hỏi phán xét và giao tiếp. Đòn bẩy thứ ba là động lực làm việc - tức người làm tốt phải được ghi nhận và đãi ngộ tương xứng, không thể cào bằng.

Riêng về luân chuyển, điều động, theo tôi, đây là công cụ mạnh nhưng cần làm đúng nhằm bồi dưỡng năng lực và đặt đúng người, đúng vị trí.

Bồi dưỡng cán bộ từ thực tiễn công việc

Phóng viên: *Vậy theo ông, cán bộ cấp xã đang bộc lộ những điểm thiếu hụt nào lớn nhất về mặt kỹ năng, nghiệp vụ và cần bổ sung ngay những yếu tố gì?*

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Có ba nhóm thiếu hụt mà tôi quan sát thấy rõ nhất. Nhóm thứ nhất là tư duy giải quyết vấn đề. Nhiều cán bộ giỏi thực thi quy trình nhưng lúng túng khi gặp tình huống ngoài quy trình, trong khi với thực tế hành chính đô thị hiện nay, tình huống ngoài quy trình ngày càng nhiều hơn.

Nhóm thứ hai là năng lực số. Cán bộ không chỉ cần biết dùng phần mềm mà cần hiểu được logic của chuyển đổi số, như tại sao dữ liệu quan trọng, vì sao quy trình phải được chuẩn hóa trước khi số hóa, lý do phải tư duy hướng dịch vụ thay vì tư duy hướng giấy tờ. Đây là khoảng cách thế hệ thực sự, do đó không thể lấp bằng một khóa tập huấn ngắn ngày mà bản thân mỗi người phải chủ động trau dồi, nâng cao.

Nhóm thứ ba là kỹ năng giao tiếp hành chính và xử lý xung đột. Khi người dân tiếp cận các dịch vụ trực tiếp tại cấp phường, xã với kỳ vọng ngày càng cao, cán bộ không chỉ cần đúng mà còn phải khéo. Một câu trả lời đúng nhưng cứng nhắc có thể tạo ra khiếu nại, một câu trả lời vừa đúng vừa cảm thông sẽ tạo ra lòng tin.

Chính vì vậy, cán bộ cần bổ sung ngay chương trình đào tạo tại chỗ theo vị trí việc làm cụ thể. Học từ tình huống thực tế tại địa phương mình hiệu quả gấp nhiều lần học lý thuyết xa rời thực tiễn.

Phóng viên: Riêng với Thành phố Hồ Chí Minh, mới đây Sở Nội vụ đã đề xuất đánh giá, xếp loại công chức theo KPI, phân loại nhiệm vụ thành năm cấp độ. Ông kỳ vọng gì ở bước đi này đối với việc nâng cao chất lượng bộ máy cấp xã của Thành phố?

Tiến sĩ Nguyễn Đình Thái: Đây là bước đi đúng hướng và tôi đánh giá cao tư duy đằng sau đề xuất này. Phân loại nhiệm vụ theo cấp độ phức tạp là cách để thoát khỏi cái bẫy “đếm việc”, tức là đánh giá người làm được nhiều hay ít sang “đo giá trị” người làm được những việc khó, quan trọng đến đâu.

Nếu thiết kế tốt, hệ thống KPI với năm nhóm này có thể tạo ra ít nhất ba tác động tích cực. Trong đó, minh bạch hóa đóng góp cá nhân, tránh tình trạng người làm nhiều bị đánh đồng với người làm ít. Đồng thời, tạo động lực để cán bộ chủ động nhận việc khó thay vì né tránh và cung cấp dữ liệu thực cho lãnh đạo khi ra quyết định bố trí, bổ nhiệm.

Tuy nhiên, tôi muốn lưu ý một rủi ro rằng KPI trong khu vực công rất dễ bị tình trạng cán bộ tìm cách tối ưu hóa điểm số thay vì tối ưu hóa kết quả thực. Muốn tránh điều đó, chỉ tiêu KPI phải gắn với kết quả đầu ra cho người dân và doanh nghiệp, không chỉ đầu ra nội bộ của cơ quan. Đó là ranh giới quyết định thành bại của mô hình này.

Nguồn: plo.vn

ĐỀ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP SÁNG TẠO CÓ KHẢ NĂNG CẠNH TRANH QUỐC TẾ

Khi thể chế được tháo gỡ, nguồn lực được khơi thông và môi trường đổi mới sáng tạo tiếp tục được mở rộng, sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

Việt Nam đang ghi nhận những bước tiến đáng chú ý trên bản đồ khởi nghiệp toàn cầu

Theo Báo cáo Chỉ số Hệ sinh thái khởi nghiệp 2026 do StartupBlink công bố, Việt Nam xếp thứ 50 thế giới, tăng 5 bậc so với năm trước và là thứ hạng cao nhất từ trước đến nay.

Kết quả này phản ánh sự phát triển ngày càng rõ nét của hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo trong nước, đồng thời cho thấy hiệu quả bước đầu của các chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được triển khai mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị. Tuy nhiên, để tạo ra những doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo đủ sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế, rất cần sự đồng hành của Nhà nước, địa phương trong hành trình phát triển.

Hệ sinh thái để tạo doanh nghiệp đủ sức cạnh tranh toàn cầu

Xây dựng một hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo đủ sức cạnh tranh với khu vực và thế giới là mục tiêu chung của cả nước.

Ở cấp địa phương, Đà Nẵng đang nổi lên như một trong những trung tâm năng động nhất về đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo.

Trong chương trình khảo sát, tìm hiểu hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Đà Nẵng do Trung tâm Truyền thông Khoa học và Công nghệ (Bộ Khoa học và Công nghệ) tổ chức ngày 11, 12/6, nhiều mô hình hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của địa phương cho thấy cách tiếp cận bài bản của thành phố trong xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo thuận lợi tối đa cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

Theo bà Phạm Thị Ngọc Quyên, Phó Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng, thành phố xác định khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là một trong những đột phá chiến lược phục vụ phát triển kinh tế-xã hội.

Những năm qua, Đà Nẵng tập trung phát triển các lĩnh vực mũi nhọn như công nghệ bán dẫn, chuyên đổi số và đô thị thông minh. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị đã tạo động lực quan trọng để thành phố tiếp tục đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Trên cơ sở các cơ chế, chính sách đặc thù được Trung ương cho phép, thành phố đã ban hành nhiều chính sách nhằm thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp và thúc đẩy phát triển kinh tế số.

Đặc biệt, Đà Nẵng đã áp dụng nhiều ưu đãi về thu nhập, lưu trú, thuế và hạ tầng nhằm phát triển hệ sinh thái công nghệ cao. Kinh tế số của thành phố liên tục duy trì tỷ trọng cao trong tổng sản phẩm trên địa bàn, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng chính quyền số và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ trên môi trường số.

Bà Phạm Thị Ngọc Quyên cho biết thành phố đang triển khai Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo,” các chương trình phát triển nguồn nhân lực công nghệ cao và xây dựng đô thị thông minh nhằm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đổi mới sáng tạo.

Hiện Đà Nẵng có 3 trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, 12 vườn ươm, 3 không gian sáng chế, 8 không gian làm việc chung, 6 quỹ đầu tư, 10 câu lạc bộ khởi nghiệp, 20 cơ sở giáo dục và khoảng 200 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Những nền tảng này đang góp phần tạo dựng môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp hình thành, phát triển và kết nối với thị trường.

Chia sẻ thêm về Đề án “Đà Nẵng - Thành phố đổi mới sáng tạo,” ông Nguyễn Việt Toàn, Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Đà Nẵng cho biết, mục tiêu của Đề án này là xây dựng Đà Nẵng trở thành trung tâm khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo mang tầm quốc tế; tăng cường liên kết giữa Nhà nước, nhà trường và doanh nghiệp nhằm làm chủ công nghệ cốt lõi, phát triển sản phẩm công nghệ cao.

Bên cạnh đó, thành phố tập trung hỗ trợ phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, thúc đẩy chuyển đổi số cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh; ưu tiên phát triển các lĩnh vực công nghệ mới, dữ liệu số và kinh tế số.

Theo ông Nguyễn Việt Toàn, hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của Đà Nẵng đã có nhiều bước tiến tích cực. Mục tiêu cuối cùng không chỉ là cải thiện vị trí trên các bảng xếp hạng quốc tế mà là hình thành các doanh nghiệp công nghệ và doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng cạnh tranh quốc tế, tạo giá trị thực cho nền kinh tế.

Thực tế cho thấy hướng đi này đang mang lại những kết quả tích cực. Năm 2024, Đà Nẵng lần đầu lọt vào top 1.000 hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu. Đến năm 2026, thành phố đã vươn lên vị trí 554 thế giới, tăng 342 bậc chỉ sau hai năm.

Khởi nghiệp từ khát vọng lớn

Việt Nam thuộc nhóm quốc gia có tốc độ tăng trưởng nổi bật trong nhóm các nước xếp hạng từ 21 đến 50 toàn cầu theo số liệu từ Báo cáo Chỉ số Hệ sinh thái khởi nghiệp 2026 do StartupBlink công bố. Đây được đánh giá là khu vực năng động nhất trên bảng xếp hạng với tốc độ phát triển cao hơn đáng kể so với nhóm dẫn đầu.

Không chỉ ở cấp quốc gia, các trung tâm đổi mới sáng tạo lớn của Việt Nam cũng ghi nhận những bước tiến đáng chú ý. Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng cũng xuất hiện trong nhóm 1.000 hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu. Trong số đó, Thành phố Hồ Chí Minh lần đầu lọt top 100 hệ sinh thái khởi nghiệp toàn cầu, tăng 12 bậc lên vị trí 98 thế giới.

Theo Bộ Khoa học và Công nghệ, kết quả tăng hạng của hệ sinh thái khởi nghiệp Việt Nam diễn ra trong bối cảnh các chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang được thúc đẩy mạnh mẽ.

Thời gian qua, Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham mưu hoàn thiện nhiều chính sách lớn nhằm thúc đẩy hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ và công nghệ chiến lược.

Một trong những dấu mốc quan trọng là việc Quốc hội thông qua Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025. Đây là lần đầu tiên các khái niệm “công nghệ chiến lược” và “sản phẩm công nghệ chiến lược” được luật hóa. Trên cơ sở đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Danh mục công nghệ chiến lược quốc gia, xác định 10 nhóm công nghệ chiến lược cùng nhiều nhóm sản phẩm ưu tiên phát triển.

Theo kế hoạch triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Việt Nam đặt mục tiêu tăng 30% số lượng startup; hình thành từ 30 đến 50 doanh nghiệp spin-off từ viện nghiên cứu và trường đại học; xây dựng ít nhất ba trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh.

Số liệu tại Báo cáo đánh giá hệ sinh thái khởi nghiệp cũng cho thấy, tính tới cuối năm 2025, Việt Nam có khoảng 4.000 doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup), gồm 2 kỳ lân công nghệ, cùng nhiều startup tiềm năng thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Theo Phó Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Văn Thắng, Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội từ khoa học công nghệ, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và hội

nhập quốc tế. Trong bối cảnh đó, doanh nhân trẻ là lực lượng tạo việc làm và của cải vật chất và tiên phong biến ý tưởng mới thành sản phẩm, công nghệ, giá trị mới cho xã hội.

Những năm gần đây, nhiều doanh nghiệp công nghệ Việt do người trẻ sáng lập đã đưa sản phẩm số, phần mềm và giải pháp trí tuệ nhân tạo ra thị trường quốc tế. Điều này chứng minh rằng, trong kỷ nguyên số, khoảng cách giữa một ý tưởng tại Việt Nam và thị trường toàn cầu “chưa bao giờ gần như hôm nay.”

Để các doanh nghiệp khởi nghiệp phát triển, Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng đề nghị các đơn vị cần đồng hành dài hạn cùng startup thông qua xây dựng mạng lưới cố vấn về vốn, quản trị và công nghệ, đồng thời khẳng định Chính phủ tiếp tục hoàn thiện thể chế, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư để các doanh nghiệp trẻ dễ dàng tiếp cận vốn, đất đai, dữ liệu và khoa học công nghệ.

Từ những định hướng lớn của Chính phủ, các cơ chế hỗ trợ của địa phương đến nỗ lực của cộng đồng doanh nghiệp, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam đang từng bước được hoàn thiện. Khi thể chế được tháo gỡ, nguồn lực được khơi thông và môi trường đổi mới sáng tạo tiếp tục được mở rộng, sẽ có thêm nhiều doanh nghiệp Việt Nam đủ năng lực tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, cạnh tranh trên thị trường quốc tế và góp phần tạo động lực tăng trưởng mới cho đất nước.

Nguồn: baochinhpvu.vn

HÌNH THÀNH CÁC DOANH NGHIỆP CÔNG NGHỆ CHIẾN LƯỢC QUY MÔ LỚN GIAI ĐOẠN 2026 - 2030

Phó Thủ tướng Chính phủ Hồ Quốc Dũng vừa ký Quyết định số 1091/QĐ-TTg ngày 17/6/2026 phê duyệt Đề án hình thành các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng giai đoạn 2026 - 2030 (Đề án).

Đến năm 2030 hình thành tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước

Đề án đặt ra các mục tiêu đến năm 2030 hình thành tối thiểu 10 doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn trong nước để phát triển hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

Tổng doanh thu của năm đạt từ 1 tỷ USD (Đô la Mỹ) trở lên; số lượng lao động có tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm đạt từ 5.000 người trở lên;

Có tối thiểu 01 tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc doanh nghiệp công nghệ số;

Tỷ lệ chi cho R&D (nghiên cứu và phát triển) trên tổng doanh thu của doanh nghiệp đạt từ 3% trở lên;

Doanh nghiệp có tối thiểu 01 bằng sáng chế được cấp bởi một trong năm cơ quan sở hữu trí tuệ uy tín trên thế giới là: USPTO, EPO, JPO, KIPO, CNIPA.

Đưa vào hoạt động tối thiểu 06 tuyến cáp quang biển mới; phần đầu phủ sóng mạng 5G tới 99% dân số

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ đóng vai trò quan trọng để Việt Nam có hệ thống hạ tầng số quốc gia đồng bộ, hiện đại, xanh, liên thông, kết nối trong nước và quốc tế với dung lượng lớn, tốc độ cao, đủ năng lực tin cậy và khả dụng cao để phục vụ chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số và bảo vệ chủ quyền số. Cụ thể:

Triển khai và đưa vào hoạt động thêm tối thiểu 06 tuyến cáp quang biển mới, kết nối quốc tế dung lượng lớn, tốc độ cao, trong đó có tối thiểu 01 tuyến cáp quang biển do Việt Nam làm chủ đầu tư.

Phát triển nhanh mạng 5G, phần đầu phủ sóng 99% dân số

Phát triển và hoàn thiện các nền tảng số, cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng nhu cầu của các bộ, ngành, địa phương để cung cấp dịch vụ trên phạm vi toàn quốc, đóng vai trò hạ tầng số quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội.

Phát triển mới tối thiểu 05 trung tâm dữ liệu quy mô lớn, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn xanh, góp phần đưa Việt Nam trở thành trung tâm dữ liệu của khu vực.

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ xây dựng hệ sinh thái dữ liệu số quốc gia mở, liên thông, an toàn, đáng tin cậy, bảo đảm dữ liệu được chuẩn hóa, chia sẻ và

khai thác có trách nhiệm để thúc đẩy chính phủ số, kinh tế số, xã hội số và bảo vệ chủ quyền dữ liệu.

Phát triển thị trường dữ liệu có sự giám sát đảm bảo an toàn, tuân thủ quy định của pháp luật; phát triển các dịch vụ dữ liệu (tổng hợp, phân tích, dán nhãn dữ liệu,...).

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn góp phần phát triển nhân lực số quy mô lớn, chất lượng cao, đạt chuẩn kỹ năng quốc tế ở các lĩnh vực trọng điểm, thông qua phương thức đào tạo lại, đào tạo nâng cao theo mô hình kết hợp giữa “Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp”: Đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thông qua các nền tảng học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại như AI, VR, AR,... để giảng dạy, mô phỏng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế; Có chính sách thu hút và trọng dụng chuyên gia trong/ngoài nước về làm việc tại các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn, tham gia các dự án phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Việt Nam phân đầu vào nhóm 3 quốc gia dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI

Các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn sẽ làm chủ, phát triển và thương mại hóa một số công nghệ chiến lược then chốt, đủ năng lực giải quyết các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo đảm chủ quyền công nghệ. Cụ thể:

Làm chủ, nghiên cứu và phát triển, ứng dụng các công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; thúc đẩy doanh nghiệp của Việt Nam làm chủ tối thiểu 70% công nghệ chiến lược trong danh mục công nghệ chiến lược đã được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Việt Nam vào nhóm 3 quốc gia dẫn đầu khu vực Đông Nam Á về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng AI.

Phát triển tối thiểu 06 hệ thống trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu của Việt Nam phục vụ các bài toán thiết yếu của người dân và xã hội: tư pháp; tài chính; nông nghiệp và môi trường; văn hóa, thể thao, du lịch; giáo dục; y tế.

Xây dựng bản sao số cho một số tỉnh, thành phố: Bao gồm phát triển bản đồ số quốc gia 3D, hạ tầng kỹ thuật đô thị, môi trường, giao thông, logistic, giáo dục, y tế, công thương, bản đồ dịch bệnh, công trình ngầm, không gian mặt đất, không gian vệ tinh.

Xây dựng tối thiểu 01 nền tảng chuỗi khối hỗ trợ cho các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ chuỗi khối vào hoạt động quản trị, điều hành, sản xuất, kinh doanh.

Xây dựng năng lực an ninh mạng quốc gia mang tính chủ động để bảo vệ hạ tầng số quan trọng và dữ liệu cá nhân, phát hiện, ngăn chặn, ứng phó, phục hồi sự cố nhanh, bảo đảm an toàn và giữ vững chủ quyền số. Cụ thể:

Phát triển và hoàn thiện mạng lưới kết nối, chia sẻ thông tin giữa các Trung tâm An ninh mạng của tỉnh, thành phố với Trung tâm An ninh mạng quốc gia của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng nhằm bảo đảm khả năng giám sát, phát hiện và phản ứng sớm các cuộc tấn công mạng trên toàn quốc.

Phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng trọng điểm, chiếm lĩnh thị trường trong nước, có khả năng cạnh tranh quốc tế.

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển thị trường cho doanh nghiệp

Để thực hiện các mục tiêu trên, Đề án đưa ra các nhiệm vụ, giải pháp sau: Hoàn thiện thể chế và nâng cao hiệu quả thực thi chính sách, pháp luật; triển khai nhiệm vụ trọng điểm quốc gia, bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; hỗ trợ nghiên cứu, phát triển thị trường cho doanh nghiệp; đo lường, đánh giá kết quả triển khai Đề án.

Đối với nhiệm vụ hỗ trợ nghiên cứu, phát triển thị trường cho doanh nghiệp, Đề án nêu rõ: Căn cứ điều kiện, nhu cầu và lợi thế đặc thù trong các lĩnh vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng, các địa phương nghiên cứu, xem xét triển khai khu thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) phù hợp để hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ công nghệ số trước khi triển khai trên quy mô lớn.

Hỗ trợ kêu gọi các quỹ đầu tư trong nước, quỹ đầu tư nước ngoài đầu tư cho hoạt động triển khai các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong lĩnh vực hạ tầng số, nhân lực số, dữ liệu số, công nghệ chiến lược, an ninh mạng theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu giải pháp thúc đẩy các doanh nghiệp công nghệ chiến lược quy mô lớn đặt hàng, chia sẻ tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình, dữ liệu, hỗ trợ chuyển giao công nghệ đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, các viện, trường thông qua các dự án đồng nghiên cứu và phát triển, thử nghiệm sản phẩm, dịch vụ.

Hỗ trợ, thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua việc hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao công nghệ từ nước ngoài, bảo hộ sở hữu trí tuệ, thông qua Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia theo quy định của pháp luật.

Triển khai việc ưu tiên các doanh nghiệp thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm quốc gia về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tham gia chương trình xúc tiến đầu tư, thương mại nhằm hỗ trợ quảng bá sản phẩm, dịch vụ, kết nối mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Triển khai đào tạo, phổ cập, nâng cao kỹ năng số cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp và người dân thông qua các nền tảng học tập trực tuyến ứng dụng các công nghệ hiện đại để giảng dạy, mô phỏng, cập nhật theo tiêu chuẩn quốc tế.

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHIỀU QUY ĐỊNH MỚI VỀ HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG CÓ HIỆU LỰC TỪ 01/7/2026

Chính phủ vừa ban hành Nghị định số 210/2026/NĐ-CP ngày 15/6/2026 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Xây dựng về hợp đồng xây dựng.

Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá hợp đồng tại thời điểm giao kết

Trong đó, Nghị định quy định rõ về tạm ứng hợp đồng xây dựng. Tạm ứng hợp đồng xây dựng là khoản kinh phí mà bên giao thầu ứng trước không lãi suất cho bên nhận thầu để triển khai thực hiện các công việc theo hợp đồng.

Mức tạm ứng, số lần tạm ứng, thời điểm tạm ứng, bảo lãnh tạm ứng, mức thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán do các bên thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng, bao gồm cả trường hợp bên nhận thầu là nhà thầu liên danh. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì việc tạm ứng cho các nhà thầu trong liên danh do các bên thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng hoặc thỏa thuận liên danh.

Ngoài các quy định nêu trên, việc tạm ứng hợp đồng xây dựng tại các dự án đầu tư công, dự án PPP được quy định như sau:

Việc tạm ứng hợp đồng được thực hiện sau khi hợp đồng xây dựng có hiệu lực và bên giao thầu đã nhận được bảo lãnh tiền tạm ứng (đối với các trường hợp yêu cầu phải có bảo lãnh tạm ứng) tương ứng với giá trị của từng loại tiền mà các bên đã thỏa thuận; riêng đối với hợp đồng thi công xây dựng thì phải có kế hoạch giải phóng mặt bằng hoặc biên bản bàn giao mặt bằng (toàn bộ hoặc một phần) của tổ chức thực hiện giải phóng mặt bằng giao cho chủ đầu tư theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.

Mức tạm ứng, số lần tạm ứng, thời điểm tạm ứng và mức thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán được ghi cụ thể trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu hoặc trong dự thảo hợp đồng xây dựng gửi cho bên nhận thầu để bên nhận thầu làm cơ sở tính toán giá dự thầu, giá đề xuất và phải phù hợp với khả năng cân đối, thu xếp, bố trí vốn để thực hiện hợp đồng.

Đối với hợp đồng xây dựng có giá trị tạm ứng hợp đồng lớn hơn 01 tỷ đồng, trước khi bên giao thầu thực hiện việc tạm ứng hợp đồng cho bên nhận thầu, bên nhận thầu phải nộp cho bên giao thầu bảo lãnh tạm ứng hợp đồng với giá trị và loại tiền tương đương khoản tiền tạm ứng hợp đồng. Không bắt buộc phải bảo lãnh tạm ứng hợp đồng đối với các hợp đồng xây dựng có giá trị tạm ứng hợp đồng nhỏ hơn hoặc bằng 01 tỷ đồng và các hợp đồng xây dựng theo hình thức tự thực hiện bao gồm cả hình thức do cộng đồng dân cư thực hiện theo các chương trình mục tiêu.

Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng phải có giá trị cho đến khi bên giao thầu đã thu hồi hết số tiền tạm ứng. Giá trị của bảo lãnh tạm ứng hợp đồng được giảm dần tương ứng với giá trị tiền tạm ứng đã thu hồi qua mỗi lần thanh toán giữa các bên hoặc giá trị bảo lãnh mà bên bảo lãnh đã thanh toán cho bên giao thầu (nếu có); bên nhận thầu phải sử dụng tạm ứng hợp đồng đúng mục đích, đúng đối tượng.

Đối với hợp đồng xây dựng có yêu cầu về sản xuất các cấu kiện, bán thành phẩm có giá trị lớn hoặc phải dự trữ vật liệu để đảm bảo kế hoạch, tiến độ thi công theo hợp đồng đã giao kết thì các bên thỏa thuận về kế hoạch tạm ứng và mức tạm ứng cho các công việc này (không tính vào mức tạm ứng hợp đồng) để bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng.

Mức tạm ứng hợp đồng không được vượt quá 30% giá hợp đồng tại thời điểm giao kết (bao gồm cả dự phòng nếu có). Trường hợp cần tạm ứng với mức cao hơn cho bên nhận thầu

đặt cọc hoặc thanh toán trước cho nhà sản xuất, nhà cung ứng vật tư, thiết bị theo thiết kế công nghệ để đảm bảo yêu cầu của dự án và các trường hợp cần thiết khác thì phải được người quyết định đầu tư cho phép. Đối với dự án mà người quyết định đầu tư là Thủ tướng Chính phủ, việc quyết định mức tạm ứng cao hơn mức 30% do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng tư vấn: 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 10 tỷ đồng; 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị đến 10 tỷ đồng.

Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng thi công xây dựng công trình: 10% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị trên 50 tỷ đồng; 15% giá hợp đồng đối với hợp đồng có giá trị từ 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng; 20% giá hợp đồng đối với các hợp đồng có giá trị dưới 10 tỷ đồng.

Mức tạm ứng tối thiểu đối với hợp đồng cung cấp vật tư, thiết bị, hợp đồng EC, EP, PC và EPC, hợp đồng chìa khóa trao tay và các loại hợp đồng xây dựng khác: 10% giá hợp đồng.

Trường hợp các bên thỏa thuận tạm ứng ở mức cao hơn mức tạm ứng tối thiểu nêu trên, thì phần giá hợp đồng tương ứng với mức tạm ứng hợp đồng vượt mức tạm ứng tối thiểu sẽ không được điều chỉnh giá kể từ thời điểm tạm ứng (gồm cả trường hợp tạm ứng nhiều lần).

Tiền tạm ứng được thu hồi dần qua các lần thanh toán, mức thu hồi của từng lần do hai bên thống nhất ghi trong hợp đồng nhưng phải bảo đảm tiền tạm ứng được thu hồi hết khi giá trị thanh toán (bao gồm tạm ứng hợp đồng, thanh toán khối lượng hoàn thành) cộng dồn đạt 80% giá hợp đồng đã giao kết.

Giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng

Bên cạnh đó, Nghị định cũng quy định về giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng. Theo đó, việc lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp hợp đồng xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng do các bên thỏa thuận. Khi giải quyết tranh chấp, các bên phải tôn trọng các thỏa thuận hợp đồng và các cam kết trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo đảm khách quan, bình đẳng và hợp tác.

Trong quá trình giải quyết tranh chấp, các bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của hợp đồng đối với các công việc không bị ảnh hưởng bởi nội dung tranh chấp; không được làm gián đoạn việc thực hiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp được tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 26 Nghị định này.

Việc áp dụng mô hình giải quyết tranh chấp theo thông lệ quốc tế (gọi tắt là ban xử lý tranh chấp) quy định tại điểm b khoản 5 Điều 86 Luật Xây dựng như sau:

Các bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng về thời điểm thành lập ban xử lý tranh chấp (có thể được hình thành ngay sau khi ký kết hợp đồng, hoạt động thường trực trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc sau khi phát sinh tranh chấp), số lượng, tiêu chuẩn, trình độ, kinh nghiệm của các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp, phù hợp với yêu cầu của hợp đồng, tính chất, nội dung công việc trong hợp đồng xây dựng; tính ràng buộc của quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp; quy trình lựa chọn các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và

trình tự, thủ tục xử lý tiếp theo khi một bên không đồng ý với quyết định, khuyến nghị phân xử tranh chấp.

Các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp được lựa chọn phải đảm bảo khách quan, độc lập, không xung đột lợi ích với các bên.

Chi phí chi trả cho các thành viên tham gia ban xử lý tranh chấp và các chi phí khác có liên quan do mỗi bên chịu một nửa, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Tạm dừng hợp đồng xây dựng

Ngoài ra, Nghị định quy định về tạm dừng hợp đồng xây dựng. Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng thực hiện theo quy định tại khoản 1, 3, 4 Điều 85 Luật Xây dựng.

Ngoài các quy định trên, việc tạm dừng hợp đồng xây dựng đối với các hợp đồng xây dựng thuộc dự án đầu tư công, dự án PPP được quy định sau:

Bên nhận thầu được tạm dừng thực hiện hợp đồng xây dựng trong trường hợp bên giao thầu không thanh toán đủ giá trị của giai đoạn thanh toán mà các bên đã thống nhất vượt quá 28 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán theo quy định tại điểm 1 khoản 4 Điều 28 Nghị định này, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Một bên được tạm dừng thực hiện hợp đồng khi bên kia không thực hiện nghĩa vụ bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ trong hợp đồng xây dựng theo quy định tại Điều 83 Luật Xây dựng và các quy định tại Điều 13 Nghị định này.

Bên tạm dừng thực hiện công việc trong hợp đồng phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản; trong đó nêu rõ lý do tạm dừng thực hiện. Thời gian thông báo phải được thỏa thuận trong hợp đồng xây dựng, tối đa không quá 28 ngày, trừ trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng. Các bên có trách nhiệm cùng thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng thỏa thuận hợp đồng đã giao kết. Trường hợp, bên tạm dừng thực hiện hợp đồng không thông báo hoặc lý do tạm dừng không phù hợp với quy định của hợp đồng thì phải bồi thường thiệt hại cho phía bên kia theo quy định tại khoản 2 Điều 86 Luật Xây dựng.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 01/07/2026.

Nguồn: baochinhphu.vn

QUY ĐỊNH VỀ MÃ ĐỊNH DANH TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Chính phủ ban hành Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17/6/2026 quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 14 và khoản 7 Điều 88 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15; khoản 3 Điều 54 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15) gồm các nội dung sau:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

b) Điều kiện năng lực, kinh nghiệm của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu là tổ chức, cá nhân nước ngoài; nội dung công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức; đăng tải kinh nghiệm hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Quy hoạch, dự án, công trình xây dựng quốc phòng, an ninh, cơ yếu và bí mật nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này.

Đối tượng áp dụng là các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng và quản lý Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Xây dựng Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Về hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng, Nghị định quy định như sau:

1. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc bảo đảm:

a) Hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, phục vụ quản lý nhà nước;

b) Đáp ứng điều kiện thực hiện thủ tục trực tuyến toàn trình hoặc trực tuyến một phần theo quy định của pháp luật có liên quan để tự động thu thập, cập nhật dữ liệu theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này.

c) Đáp ứng yêu cầu theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra về hoạt động đầu tư xây dựng theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội;

d) Bảo đảm việc tạo lập, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng, quản lý, chia sẻ, kết nối phù hợp theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng và các quy định pháp luật khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân.

2. Bộ Xây dựng là cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng được vận hành tại địa chỉ <https://csdlhxd.gov.vn>, bao gồm các cấu phần sau:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng và dữ liệu, thông tin khác về hoạt động xây dựng;

b) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Hệ thống phần mềm ứng dụng, dịch vụ phần mềm, nền tảng điện toán đám mây phục vụ quản lý, vận hành, khai thác thông tin về hoạt động xây dựng.

4. Hệ thống thông tin, dữ liệu về định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng được xây dựng, khai thác, vận hành độc lập tại địa chỉ <https://cemia.gov.vn> bao gồm các thành phần dữ liệu sau:

a) Dữ liệu quy định tại điểm o khoản 7 Điều 3 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này;

b) Dữ liệu, thông tin về định mức xây dựng, giá xây dựng, giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng, chỉ số giá xây dựng do tổ chức cung cấp không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

5. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng làm cơ sở tạo lập các nền tảng ứng dụng sau đây:

a) Các nền tảng ứng dụng về báo cáo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức có liên quan trích xuất báo cáo theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, xây dựng cơ chế, chính sách, quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền và các yêu cầu khác có liên quan;

b) Các nền tảng, ứng dụng về quản lý, phân tích, khai thác dữ liệu và hỗ trợ các nghiệp vụ có liên quan;

c) Các nền tảng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, cảnh báo sớm, hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát rủi ro phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, liên thông và cập nhật theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực;

d) Ứng dụng công khai, chia sẻ dữ liệu mở theo quy định;

đ) Các nền tảng ứng dụng khác có liên quan để đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

6. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được tạo lập, cập nhật, xác thực đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thì có giá trị khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, xây dựng và pháp luật có liên quan.

7. Dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền xác lập và cập nhật, điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này.

8. Trường hợp dữ liệu, thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hiển thị trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng chưa đầy đủ, chính xác so với kết quả giải quyết thủ tục theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền ban hành kết quả thủ tục có trách nhiệm rà soát, kiểm tra và cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết khoản 7, khoản 8 nêu trên về cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, kiểm tra và cập nhật dữ liệu, thông tin bảo đảm đầy đủ, chính xác vào hệ thống.

Mã định danh trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

Đáng chú ý, Nghị định này quy định rõ về mã định danh trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng. Theo đó, mỗi quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải gắn với một mã định danh duy nhất, được khởi tạo trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.

Mã định danh là thông tin bắt buộc, được khởi tạo khi tạo lập hoặc cập nhật dữ liệu, thông tin trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và được sử dụng thống nhất trong suốt vòng đời của đối tượng quản lý.

Kết quả giải quyết thủ tục tại các bước tiếp theo liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng phải gắn mã định danh đã được khởi tạo theo mẫu kết quả giải quyết các thủ tục quy định tại pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng.

Hồ sơ kèm theo kết quả giải quyết thủ tục phải được cập nhật vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về xây dựng và các tổ chức, cá nhân có liên quan khi xây dựng, ban hành quy trình giải quyết thủ tục phải có bước khởi tạo mã định danh, nhập, cập nhật dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng, định mức xây dựng, giá xây dựng, chỉ số giá xây dựng, năng lực hành nghề hoạt động xây dựng và các lĩnh vực có yêu cầu thu thập, tạo lập dữ liệu bảo đảm phù hợp quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026.

Nguồn: baochinhpvu.vn

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH PHÂN ĐẤU KINH TẾ SỐ CHIẾM 30% GRDP NĂM 2026

Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 304/TB-VPCP ngày 15/6/2026 kết luận của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng tại buổi làm việc với Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.

Thông báo nêu: Trong 05 tháng đầu năm 2026, mặc dù đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng Đảng bộ, chính quyền và Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết tâm cao, nỗ lực lớn, đạt được nhiều kết quả khá toàn diện. Tăng trưởng GRDP Quý I năm 2026 đạt

8,27%, cao hơn bình quân chung của cả nước và là mức tăng cao nhất trong 5 năm qua. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPP), tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng, du lịch, xuất nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực. Thu ngân sách nhà nước đạt 50% dự toán. Cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh tiếp tục được cải thiện mạnh mẽ. Mô hình chính quyền địa phương 02 cấp sau hợp nhất được vận hành cơ bản ổn định, thông suốt, bước đầu phát huy hiệu quả.

Thành phố là một trong các địa phương đi đầu trong triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, bước đầu tạo chuyển biến rõ nét trong mô hình tăng trưởng; xử lý được số lượng lớn các dự án tồn đọng, kéo dài theo Công điện số 112/CĐ-TTg. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, đào tạo tiếp tục được phát triển; an ninh, quốc phòng được giữ vững; có nhiều chiến công trong phòng, chống tội phạm, giữ gìn trật tự xã hội. Đặc biệt, Thành phố đã đổi mới phương thức làm việc, đã hoàn thành việc xây dựng Đề án đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 31-NQ/TW và trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TW về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới; chủ động, tích cực phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc khẩn trương xây dựng dự án Luật Đô thị đặc biệt. Thay mặt Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ghi nhận, biểu dương và đánh giá cao nỗ lực cũng như các kết quả nổi bật mà Thành phố đã đạt được trong thời gian qua, đóng góp tích cực vào thành tựu chung của cả nước.

Bên cạnh các kết quả đạt được, vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần được Thành phố nghiêm túc nhìn nhận, đánh giá để có giải pháp khắc phục trong thời gian tới. Tư duy đổi mới, sáng tạo của lãnh đạo Thành phố cần được lan tỏa mạnh mẽ hơn tới các cấp, các ngành, cơ sở; vẫn còn tâm lý trông chờ, né tránh trách nhiệm và chưa chủ động, mạnh dạn quyết định theo thẩm quyền được giao. GRDP Quý I tăng khá nhưng chưa đạt kịch bản đề ra, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế và dư địa phát triển của Thành phố, trong đó các khu vực dịch vụ, công nghiệp - xây dựng đều tăng trưởng thấp hơn kịch bản; tạo áp lực rất lớn cho việc đạt mục tiêu tăng trưởng cả năm. Việc triển khai các cơ chế, chính sách đặc thù theo các Nghị quyết của Quốc hội còn chậm, chưa tạo ra nhiều kết quả cụ thể, đóng góp chưa nhiều vào mục tiêu tăng trưởng kinh tế...

Để khắc phục những tồn tại trên, Thủ tướng yêu cầu Thành phố trong thời gian tới cần quán triệt, triển khai đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả; cụ thể hóa thành các chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Chính phủ; nhất là Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển Thành phố Hồ Chí Minh trong kỷ nguyên mới, Kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại buổi làm việc ngày 27/4/2026. Trong đó tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ trọng tâm được giao tại Kết luận 18-KL/TW (Xử lý triệt để tài sản công là nhà, đất dôi dư, không sử dụng trong Quý II; hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ, hoàn thành trong Quý II; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, chia sẻ dữ liệu khu vực công cho khu vực tư, hoàn thành trong Quý II; thực hiện 100% dịch vụ công đủ điều kiện

trực tuyến toàn trình trong Quý III; thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2026 và phân đầu tiết kiệm thêm trên 5% ...).

Thủ tướng khẳng định: Việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng 2 con số của cả nước phụ thuộc rất lớn vào các cực tăng trưởng, trong đó Thành phố Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng. Vì vậy, Thành phố phải đổi mới nhận thức, tư duy và phương thức làm việc, kiên định, quyết tâm thực hiện đạt và vượt các mục tiêu đã đề ra.

Tập trung tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh

Trong đó, Thành phố lưu ý cần rà soát kỹ lưỡng, cập nhật kịch bản tăng trưởng cho phù hợp với tình hình, yêu cầu thực tiễn; nhận diện rõ dư địa từng ngành, lĩnh vực, nhất là chế biến chế tạo, dược phẩm, logistics, tài chính ngân hàng...; tập trung tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, bảo đảm nguồn cung hàng hóa, nguyên vật liệu. Giao nhiệm vụ, thời hạn hoàn thành cụ thể cho từng cấp, từng ngành, địa phương, doanh nghiệp; phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ Thành ủy trực tiếp chỉ đạo các ngành, lĩnh vực, địa bàn cụ thể.

Tập trung chỉ đạo quyết liệt, hiệu quả hơn nữa giải ngân đầu tư công, giao trách nhiệm cụ thể, rõ ràng cho các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan để phân đầu đạt 100% kế hoạch được giao; xử lý nghiêm trường hợp chậm trễ do nguyên nhân chủ quan; thực hiện điều chuyển vốn linh hoạt giữa các dự án theo quy định.

Khai thác hiệu quả các chính sách đặc thù, cụ thể hóa thành chương trình, dự án, nguồn lực, định lượng được kết quả đầu ra; khẩn trương phối hợp với Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan xây dựng Luật Đô thị đặc biệt, trình Quốc hội tại Kỳ họp không thường lệ (cuối tháng 7 hoặc đầu tháng 8/2026).

Đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm (Vành đai 3, nút An Phú, nút Mỹ Thủy, QL50...); khởi công trong 6 tháng cuối năm các công trình lớn (như Metro số 2 Bến Thành - Thủ Thiêm, cầu vượt biển cần Giờ - Bà Rịa Vũng Tàu, cảng Cái Mép Hạ, đường sắt Thủ Thiêm - Long Thành, cầu Thủ Thiêm 4, đường Bình Tiên...).

Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn

Thành phố cần phát huy mạnh mẽ vị thế, vai trò là địa phương đứng đầu cả nước về thương mại, dịch vụ, trong đó tập trung: (i) Ưu tiên đầu tư, phát triển logistics gắn với hệ thống cảng biển và siêu cảng trung chuyển quốc tế (như Cần Giờ, Cái Mép - Thị Vải...); (ii) Kích cầu tiêu dùng, nâng cao chất lượng dịch vụ, thúc đẩy thương mại điện tử, phát triển kinh tế đêm; (iii) Đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ trong lĩnh vực y tế, giáo dục.

Hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung quy mô lớn, liên kết chặt chẽ sản xuất - tiêu thụ gắn với truy xuất nguồn gốc; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong công tác chọn, tạo và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, canh tác và chăn nuôi chất lượng cao. Phát triển các trung tâm chế biến, xuất nhập khẩu nông sản chuyên nghiệp, gắn với du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học.

Tiếp tục rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính; nâng cao năng lực cạnh tranh của Thành phố; phát triển mạnh mẽ hơn nữa kinh tế tư nhân, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; xây dựng cơ sở dữ liệu liên thông, chia sẻ dữ liệu công - tư.

Xây dựng và vận hành hiệu quả Trung tâm tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh; thu hút các tổ chức tài chính, các nhà đầu tư quốc tế tham gia. Các Bộ, ngành liên quan, trong đó Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước phối hợp với Thành phố tiếp tục xây dựng cơ chế, chính sách, thiết kế sản phẩm tài chính cụ thể, hấp dẫn, có cơ chế kiểm soát rủi ro.

Đẩy mạnh phát triển nhà ở cho thuê

Thủ tướng yêu cầu Thành phố phải đẩy nhanh tiến độ hoàn thành Quy hoạch tổng thể Thành phố, trong đó phải quán triệt đầy đủ tinh thần Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị và kết luận của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, bảo đảm phù hợp, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch vùng Đông Nam Bộ vừa được phê duyệt. Quy hoạch Thành phố cần gắn với tầm nhìn dài hạn, mang tầm quốc tế; lưu ý về khai thác không gian ngầm; quy hoạch các khu, cụm công nghiệp; hạn chế phát triển nhà ở riêng lẻ thấp tầng, tập trung phát triển nhà ở cao tầng, nhà ở cho thuê tại các khu vực đô thị; phát triển các không gian công cộng, không gian xanh, vùng đệm giữa các khu vực đô thị.

Quán triệt và triển khai đồng bộ chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ về phát triển nhà ở cho thuê, phải coi đây là ưu tiên chiến lược trong phát triển nhà ở. Chuyển đổi mạnh mẽ tư duy, từ chú trọng hỗ trợ sở hữu nhà ở sang bảo đảm quyền có chỗ ở cho mọi người dân theo quy định của Hiến pháp, người dân chưa có đủ điều kiện để sở hữu nhà riêng phải tiếp cận được quỹ nhà ở cho thuê, giá hợp lý. Thành phố cần rà soát, điều chỉnh quy hoạch, ưu tiên bố trí, dành quỹ đất thỏa đáng, trong đó cần xác định vị trí, quy mô khu nhà ở cho thuê, cần phát triển nhà ở cho thuê gắn với các KCN, KCX; phân đấu khởi công ít nhất 01 dự án nhà ở cho thuê quy mô lớn trong Quý III/2026; khẩn trương kiện toàn hoặc thành lập Quỹ nhà ở địa phương, bố trí nguồn lực vận hành ngay trong tháng 6 năm 2026.

Đẩy mạnh phong trào “Bình dân học vụ số”

Bên cạnh đó, Thành phố cần bảo đảm vận hành bộ máy chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả. Rà soát, đánh giá kỹ lưỡng, đầy đủ tính khả thi, hiệu quả về phân cấp, phân quyền cho cấp xã để có kiến nghị cụ thể. Thực hiện tổng rà soát đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ công chức cấp xã để có căn cứ đánh giá, bố trí, sắp xếp phù hợp. Đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, quản lý, sử dụng tài sản công, trụ sở dôi dư. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với đổi mới, sáng tạo và khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng số, nền tảng số, dữ liệu số bảo đảm kết nối thông suốt giữa các cấp chính quyền từ Trung ương đến cấp xã.

Triển khai thực chất, hiệu quả Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, phát huy tối đa lợi thế là trung tâm khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo lớn nhất cả nước để thí điểm, đặt hàng nghiên cứu ứng dụng; đẩy mạnh phong trào "Bình dân học vụ số"; tạo môi trường thuận lợi cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Thực hiện các giải pháp nâng cao tỷ trọng kinh tế số và chỉ số đổi mới sáng tạo địa phương để đạt mục tiêu kinh tế số chiếm 30% GRDP năm 2026 và 40% GRDP năm 2030, thực sự trở thành động lực tăng trưởng mới của Thành phố...

Nguồn: baochinhpvu.vn

NHÂN SỰ MỚI CỦA TRUNG ƯƠNG, CÁC BỘ, NGÀNH, VÀ ĐỊA PHƯƠNG

* Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đảng

- Thượng tướng Lê Quốc Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương, Thứ trưởng Bộ Công an giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy Công an Trung ương nhiệm kỳ 2025 - 2030.

* Quyết định của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1068/QĐ-TTg phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên nhiệm kỳ 2026-2031 đối với ông Trần Văn Hậu, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thái Nguyên.

- Quyết định số 1081/QĐ-TTg về thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia thực hiện Chương trình hành động quốc gia của Việt Nam về đăng ký và thống kê hộ tịch giai đoạn 2026 - 2030 (Ban Chỉ đạo).

Theo Quyết định, Ban Chỉ đạo gồm các thành viên sau: Trưởng Ban Chỉ đạo là Bộ trưởng Bộ Tư pháp; Phó Trưởng Ban Chỉ đạo là Thứ trưởng Bộ Tư pháp.

Các Ủy viên Ban Chỉ đạo gồm Thứ trưởng các Bộ: Công an, Ngoại giao, Nội vụ, Y tế, Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Dân tộc và Tôn giáo và đại diện lãnh đạo: Tòa án nhân dân tối cao, Thông tấn xã Việt Nam.

- Quyết định số 1059/QĐ-TTg kiện toàn Ủy ban Quốc gia về người khuyết tật Việt Nam.

Theo đó, Chủ tịch Ủy ban là bà Đào Hồng Lan, Bộ trưởng Bộ Y tế. Phó Chủ tịch Ủy ban là bà Nguyễn Thị Liên Hương, Thứ trưởng Bộ Y tế.

Các Ủy viên Ủy ban gồm có: Ông Vũ Chiến Thắng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ; ông Đặng Hoàng Giang, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao; Thượng tướng Lê Văn Tuyền, Thứ trưởng Bộ Công an; bà Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp; bà Nguyễn Thị Bích Ngọc, Thứ trưởng Bộ Tài chính; ông Phạm Ngọc Thương, Thứ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; bà Trịnh Thị Thủy, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Lê Anh Tuấn, Thứ trưởng Bộ Xây dựng; ông Lê Xuân Định, Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; ông Võ Văn Hưng, Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; ông Y Thông, Thứ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo.

Ngoài ra, Ủy ban còn có các Ủy viên sau: Ông Hoàng Công Thủy, Phó Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; ông Đặng Văn Thanh, Phó Chủ tịch Thường trực Liên hiệp hội về người khuyết tật Việt Nam; Trung tướng Nguyễn Hữu Chính, Chủ tịch Hội Nạn nhân chất độc da cam/dioxin Việt Nam; ông Ngô Sách Thực, Chủ tịch Hội Bảo trợ người khuyết tật và trẻ em mồ côi Việt Nam; ông Huỳnh Vĩnh Ái, Chủ tịch Ủy ban Paralympic Việt Nam; bà Đinh Việt Anh, Phó Chủ tịch Hội Người mù Việt Nam; ông Phạm Văn Thành, Chủ tịch Hội Thanh niên khuyết tật Việt Nam.

*** Tỉnh Đắk Lắk**

- Điều động Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở Tài chính Trần Văn Tân giữ chức Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Điều động, bổ nhiệm Giám đốc Sở Tư pháp Bùi Hồng Quý giữ chức Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Điều động, bổ nhiệm Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường Nguyễn Minh Huân giữ chức Giám đốc Sở Tư pháp;

- Điều động, bổ nhiệm Giám đốc Sở Xây dựng Cao Đình Huy giữ chức Giám đốc Sở Tài chính.

- Bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Phong, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Quản lý công trình thủy lợi tỉnh Đắk Lắk giữ chức Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

- Bổ nhiệm ông Võ Đình Tiến, Phó Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên giữ chức Phó Giám đốc Sở Tài chính.

Nguồn: Tổng hợp từ baohinhphu.vn và vov.vn